

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Thu Hương**  
**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT  
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY  
CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ VẬT TƯ Y TẾ HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Thu Hương  
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Lê Thị Thu Hường

Mã SV:1113401089

Lớp: QTL502K

Ngành: Kế toán – kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
  - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.
  - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng trong 3 năm gần đây.
  - Số liệu về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Kiên**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2013***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
LỜI MỞ ĐẦU .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu .....	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài .....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài .....	2
4. Phương pháp nghiên cứu .....	2
5. Kết cấu của khóa luận .....	3
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT .....	4
1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất. ....	4
1.2. Bản chất và chức năng giá thành sản phẩm. ....	4
1.3. Phân loại chi phí sản xuất. ....	5
1.3.1. Phân loại chi phí theo yếu tố chi phí .....	5
1.3.2. Phân theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm. ....	6
1.4. Phân loại giá thành sản phẩm. ....	7
1.4.1. Theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành .....	7
1.4.2. Theo phạm vi phát sinh chi phí. ....	7
1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm. ....	8
1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm. ....	8
1.5.2. Kỳ tính giá thành sản phẩm. ....	9
1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất. ....	10
1.6.1. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất. ....	10
1.6.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất. ....	10
1.6.2.1. Trình tự hạch toán chi tiết chi phí sản xuất. ....	10
1.6.2.2. Trình tự hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất. ....	11
1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm. ....	12
1.7.1. Phương pháp trực tiếp (còn gọi là phương pháp giản đơn). ....	12
1.7.2. Phương pháp tổng cộng chi phí. ....	13

1.7.3.Phương pháp hệ số. ....	13
1.7.4.Phương pháp tỷ lệ. ....	14
1.7.5.Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ. ....	14
1.7.6.Phương pháp liên hợp. ....	15
1.8.Đánh giá sản phẩm dở dang.....	15
1.8.1.Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	15
1.8.2.Đánh giá theo ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.....	16
1.8.3.Đánh giá sản phẩm dở dang theo giá thành định mức.....	16
1.9.Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm. ....	17
1.9.1. ..Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
1.9.1.1.Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. ....	17
1.9.1.2.Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp. ....	18
1.9.1.3.Hạch toán chi phí sản xuất chung. ....	21
1.9.1.4.Tổng hợp chi phí sản xuất.....	23
1.9.2. .Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	24
1.10.Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.....	26
1.10.1.Hạch toán về thiệt hại sản phẩm hỏng. ....	26
1.10.2.Hạch toán thiệt hại về ngừng sản xuất. ....	26
1.11.Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán. ....	28
1.11.1.Hình thức sổ “ Nhật ký chung”.....	28
1.11.2.Hình thức “Nhật ký sổ cái”.....	30
1.11.3.Hình thức “ Chứng từ ghi sổ”.....	31
1.11.4.Hình thức “Nhật ký - chứng từ”.....	32
1.11.5.Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	33
<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ VẬT TƯ Y TẾ HẢI PHÒNG.....</b>	<b>34</b>
2.1.Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng. ....	34

2.1.1.Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng .....	34
2.1.2.Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng. ....	35
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....	37
2.1.4.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng. ....	40
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng. ....	44
2.2.1...Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....	44
2.2.2.Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng. ....	45
2.2.2.1.Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....	45
2.2.2.2.Đối tượng tính giá thành tại công ty cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng. ....	45
2.2.3.Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm. ....	46
2.2.4.Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng. ....	47
2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....	47
2.2.4.2.Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....	54
2.2.4.3.Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....	64
2.2.4.4.Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.....	72
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ VẬT TƯ Y TẾ HẢI PHÒNG ....</b>	<b>80</b>



3.1.Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng. ....	80
3.1.1.Uưu điểm.....	80
3.1.2.Hạn chế.....	81
3.2.Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	82
3.3.Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.83	
3.3.1.Yêu cầu.....	83
3.3.2.Phương hướng.....	83
3.4.Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng. ....	84
3.4.1.Kiến nghị 1: Về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất.....	84
3.4.2.Kiến nghị 2: Ứng dụng công nghệ thông tin.....	85
3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc trả lương theo sản phẩm lũy tiến .....	86
3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.....	87
3.4.5. Kiến Nghị 5: Về phương pháp tính giá hàng xuất kho .....	87
3.5.Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....	88
3.5.1.Về phía nhà nước.....	88
3.5.2.Về phía doanh nghiệp.....	89
KẾT LUẬN .....	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	91

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

1. Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .....	18
2. Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp .....	20
3. Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung .....	22
4. Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất.....	23
5. Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	25
6. Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thiệt hại sản phẩm hỏng ngoài định mức .....	27
7. Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch.....	28
8. Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung .....	29
9. Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký - sổ cái .....	30
10. Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ .....	31
11. Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký - Chứng từ .....	32
12. Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính .....	33
13. Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....	37
14. Sơ đồ 2.2: Quy trình công nghệ sản xuất bổ sâm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng .....	37
15. Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy tổ chức của công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....	38
16. Sơ đồ 2.4: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty Dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....	40
17. Sơ đồ 2.5: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....	43
18. Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán sản phẩm hỏng ngoài định mức .....	85

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

1. Biểu 2.1: Phiếu xuất kho số 14/01 .....	49
2. Biểu 2.2: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) .....	50
3. Biểu 2.3: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 6212 .....	51
4. Biểu 2.4: Trích nhật ký chung.....	52
5. Biểu 2.5: Trích sổ cái TK 621 .....	53
6. Biểu 2.6: Bảng các khoản trích theo lương .....	55
7. Biểu 2.7: Trích bảng đơn giá lương sản phẩm.....	56
8. Biểu 2.8: Trích bảng chấm công xưởng thuốc viên.....	57
9. Biểu 2.9: Trích bảng thanh toán lương tháng 01/2012 .....	58
10. Biểu 2.10: Trích bảng phân bổ lương xưởng viên .....	59
11. Biểu 2.11: Trích bảng tính và phân bổ lương và BHXH toàn công ty .....	60
12. Biểu 2.12: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622 .....	61
13. Biểu 2.13: Trích nhật ký chung.....	62
14. Biểu 2.14: Trích sổ cái TK 622.....	63
15. Biểu 2.15: Phiếu xuất kho 14/01 .....	66
16. Biểu 2.16: Hóa đơn giá trị gia tăng.....	67
17. Biểu 2.17: Trích bảng tính khấu hao.....	69
18. Biểu 2.18: Trích nhật ký chung.....	70
19. Biểu 2.19: Trích sổ cái TK 627.....	71
20. Biểu 2.20: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất DD cuối kỳ xưởng thuốc viên.....	73
21. Biểu 2.21: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung.....	75
22. Biểu 2.22: Bảng tính giá thành sản phẩm, dịch vụ theo khoản mục.....	76
23. Biểu 2.23: Phiếu nhập kho 134/01 .....	77
24. Biểu 2.24: Nhật ký chung .....	78
25. Biểu 2.25: Sổ cái TK 155.....	79

## KÝ HIỆU VIẾT TẮT

- BHXH: Bảo hiểm xã hội
- BHYT: Bảo hiểm y tế
- BTTN: Bảo hiểm thất nghiệp
- KPCĐ: Kinh phí công đoàn
- CCDC: Công cụ dụng cụ
- CNTT: Công nhân trực tiếp
- CPNVLTT: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- CPNCTT: Chi phí nhân công trực tiếp
- NVL: Nguyên vật liệu
- CPSXC: Chi phí sản xuất chung
- PX: Phân xưởng
- TSCĐ: Tài sản cố định
- QLDN: Quản lý doanh nghiệp

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Trong quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới và khu vực, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra ngày càng khốc liệt, đặc biệt là trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. Các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững phải tìm cho mình những phương án kinh doanh phù hợp, nắm bắt và đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, thực hiện mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của mình. Do đó, doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý, giảm thiểu chi phí sản xuất, có chính sách giá cả linh hoạt, hạ giá thành xuống mức thấp nhất có thể mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm nhằm góp phần tạo nên uy tín của doanh nghiệp trên thương trường.

Doanh nghiệp muốn thực hiện được những điều này cần phải có tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách khoa học, hợp lý. Qua các số liệu kế toán tập hợp và cung cấp, các nhà quản trị có thể đánh giá, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, lập dự toán chi phí, kiểm soát được các khoản chi phí phát sinh ở từng bộ phận để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp trong công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có vai trò rất quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất, giúp các nhà quản lý cấp cao biết rõ tiềm năng của doanh nghiệp mình, sử dụng hợp lý những nguồn lực sẵn có góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức được vai trò của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, trong quá trình thực tập tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng, được các cán bộ phòng kế toán nhiệt tình giúp đỡ, dưới sự hướng dẫn của thầy giáo, Th.S Nguyễn Đức Kiên, em đã chọn đề tài : “ *Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng*” cho bài khóa luận của mình.

## **2. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

Về mặt lý luận: Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.

Đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài.**

- *Đối tượng nghiên cứu đề tài:* Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.

- *Phạm vi nghiên cứu:*

- Về không gian: Đề tài được thực hiện tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.
- Về thời gian: Đề tài được thực hiện từ ngày 25/03/2013 đến ngày 29/06/2013.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Bài luận sử dụng những phương pháp nghiên cứu là:

- Các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối)
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp chuyên gia.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu để thừa hưởng thành tựu.

Phương pháp kỹ thuật trong trình bày: kết hợp giữa mô tả và phân tích, giữa luận giải với bảng, biểu và sơ đồ.

**Kết cấu của khóa luận**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, bài khóa luận gồm 3 chương :

**Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.**

**Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

**Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng**

## CHƯƠNG I

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

### 1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.

Quá trình sản xuất kinh doanh là sự kết hợp của 3 yếu tố: Đối tượng lao động, tư liệu lao động và lao động con người, đồng thời lại tiêu hao chính những yếu tố đó. Để tồn tại và phát triển thì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải được duy trì liên tục, ngoài các yếu tố trên còn phải đầu tư cho các khoản chi phí nhất định khác như chi phí dịch vụ, chi phí khác bằng tiền... Các khoản chi phí đó phát sinh một cách thường xuyên, luôn vận động và thay đổi trong quá trình sản xuất kinh doanh. Do đó, để đáp ứng nhu cầu quản lý chi phí, những hao phí doanh nghiệp đã chi ra đều được biểu hiện qua thước đo giá trị hay còn gọi là thước đo tiền tệ.

Như vậy, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa cùng với các chi phí khác để sản xuất chế tạo sản phẩm, công việc, lao vụ mà doanh nghiệp đã chi ra cho quá trình sản xuất trong một kỳ sản xuất nhất định.

Chi phí sản xuất được hình thành do có sự chuyển dịch giá trị của các yếu tố sản xuất vào sản phẩm sản xuất ra. Về mặt định tính, đó là sự tiêu hao các yếu tố vật chất trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm. Về mặt định lượng, đó là giá cả các yếu tố vật chất tham gia vào quá trình sản xuất

### 1.2. Bản chất và chức năng giá thành sản phẩm.

- **Bản chất giá thành sản phẩm**

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành.

Quá trình sản xuất là một quá trình thống nhất bao gồm 2 mặt hao phí sản xuất và mặt kết quả sản xuất. Tất cả những khoản chi phí (phát sinh trong



kỳ, kỳ trước chuyển sang) và các chi phí trích trước có liên quan đến khối lượng sản phẩm, lao vụ, dịch vụ, đã hoàn thành trong kỳ sẽ tạo nên chỉ tiêu giá thành sản phẩm. Nói cách khác, giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra bất kể ở kỳ nào nhưng có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm đã hoàn thành trong kỳ.

- **Chức năng giá thành sản phẩm**

Chức năng của giá thành là là chức năng bù đắp chi phí và chức năng lập giá.

- Chức năng bù đắp chi phí: Giá thành biểu hiện cho những hao phí vật chất mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Những hao phí đó cần được bù đắp một cách đầy đủ trong quá trình tái sản xuất, hay nói cách khác là tiêu thụ được sản phẩm và có lãi.

- Chức năng lập giá: Giá cả là biểu hiện mặt giá trị của sản phẩm, nó bù đắp hao phí vật chất dùng để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nên khi xây dựng giá cả phải căn cứ vào giá thành.

### **1.3. Phân loại chi phí sản xuất.**

Chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp bao gồm nhiều loại có nội dung, tính chất và công dụng kinh tế khác nhau, yêu cầu quản lý đối với từng loại chi phí cũng khác nhau. Do đó, muốn tập hợp và quản lý tốt chi phí tất yếu phải phân loại chi phí. Việc phân loại chi phí sản xuất một cách khoa học và hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản trị kiểm tra phân tích chi phí, thúc đẩy việc quản lý chặt chẽ chi phí để hướng tới tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Về mặt hạch toán, chi phí sản xuất thường được phân theo các tiêu thức sau đây:

#### **1.3.1. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí**

Căn cứ vào nội dung, tính chất của chi phí, chi phí sản xuất được chia thành 5 yếu tố:

- Chi phí nguyên vật liệu: Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế... sử dụng cho kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí nhân công: Gồm tiền lương, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ), phải trả khác cho công nhân, viên chức trong kỳ.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Là giá trị hao mòn của tài sản cố định sử dụng cho kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Tiền nước, tiền điện, tiền điện thoại, thuê mặt bằng... sử dụng cho kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí khác bằng tiền: Chi phí tiếp khách, hội nghị... sử dụng cho kinh doanh trong kỳ.

Với cách phân loại này, các nhà quản trị biết được cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí, là cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán chi phí sản xuất, xây dựng kế hoạch cung ứng các yếu tố cho sản xuất...

### **1.3.2. Phân theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm.**

Căn cứ theo mục đích, công dụng của chi phí đối với quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm, chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Là tiền lương, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ), phải trả cho công nhân sản xuất.

- Chi phí sản xuất chung: Gồm những khoản chi phí vật liệu gián tiếp, công cụ dụng cụ, tiền lương nhân viên quản lý phân xưởng, khấu hao tài sản cố định dùng cho sản xuất....

Theo cách này, doanh nghiệp dễ dàng xác định được giá thành sản phẩm, đó là căn cứ để phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và hạ giá thành sản phẩm cũng như tình hình thực hiện các định mức, dự toán chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

#### **1.4. Phân loại giá thành sản phẩm.**

Để đáp ứng yêu cầu của quản lý, hạch toán và kế hoạch hóa giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả hàng hóa, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, nhiều phạm vi tính toán khác nhau.

##### **1.4.1. Theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành.**

Giá thành được chia thành giá thành kế hoạch, giá thành định mức và giá thành thực tế:

- Giá thành kế hoạch: giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch.

- Giá thành định mức: cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, khác với giá thành kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và không biến đổi trong suốt kỳ kế hoạch, giá thành định mức lại được xây dựng trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch (thường là ngày đầu tháng) nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- Giá thành thực tế: giá thành thực tế là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm trên cơ sở các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

##### **1.4.2. Theo phạm vi phát sinh chi phí.**

Giá thành được chia thành giá thành sản xuất và giá thành tiêu thụ:

- Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng): là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất, bao gồm chi phí vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ): là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (chi phí

sản xuất, quản lý và bán hàng). Do vậy, giá thành tiêu thụ còn gọi là giá thành đầy đủ hay giá thành toàn bộ và được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \textit{Giá thành toàn} & & & & & & \textit{Chi phí tiêu} \\ \textit{bộ của sản} & = & \textit{Giá thành sản} & + & \textit{Chi phí quản lý} & + & \textit{thụ sản} \\ \textit{phẩm tiêu thụ} & & \textit{xuất sản phẩm} & & \textit{doanh nghiệp} & & \textit{phẩm} \end{array}$$

### **1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm.**

#### **1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm.**

Để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được chính xác, kịp thời, đòi hỏi công việc đầu tiên mà nhà quản lý phải làm là xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm. Vấn đề này có tầm quan trọng đặc biệt cả trong lý luận cũng như thực tiễn hạch toán và là nội dung cơ bản nhất của tổ chức hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm.

Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất chính là việc xác định giới hạn tập hợp chi phí mà thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí. Còn xác định đối tượng tính giá thành chính là việc xác định sản phẩm, bán thành phẩm, công việc, lao vụ nhất định đòi hỏi phải tính phải tính giá thành một đơn vị. Đối tượng đó có thể là sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất hay đang trên dây chuyền sản xuất tùy theo yêu cầu của chế độ hạch toán kinh tế mà doanh nghiệp áp dụng và quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Để phân biệt được đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành ngay cả khi chúng đồng nhất là một cần dựa vào các cơ sở sau đây:

- Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất: sản xuất giản đơn hay sản xuất phức tạp.

Với sản xuất giản đơn, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là sản phẩm hay toàn bộ quá trình sản xuất (nếu sản xuất một thứ sản phẩm)

hoặc có thể là nhóm sản phẩm (nếu sản xuất nhiều thứ sản phẩm cùng tiến hành trong một quá trình lao động). Đối tượng tính giá thành ở đây là sản phẩm cuối cùng.

Với sản xuất phức tạp, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là bộ phận, chi tiết sản phẩm, các giai đoạn chế biến, phân xưởng sản xuất hoặc nhóm chi tiết, bộ phận sản phẩm..., còn đối tượng tính giá thành là thành phẩm ở bước chế tạo cuối cùng hay bán thành phẩm ở từng bước chế tạo.

- Loại hình sản xuất: đơn chiếc, sản xuất hàng loạt nhỏ hay sản xuất hàng loạt với khối lượng lớn.

Với sản xuất đơn chiếc và sản xuất hàng loạt nhỏ, đối tượng hạch toán chi phí là các đơn đặt hàng riêng biệt, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm của từng đơn.

Đối với sản xuất hàng loạt với khối lượng lớn, phụ thuộc vào quy trình công nghệ sản xuất (đơn giản hay phức tạp) mà đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết, nhóm chi tiết, giai đoạn công nghệ... Còn đối tượng tính giá thành có thể là sản phẩm cuối cùng hay bán thành phẩm như đã nêu ở trên.

- Yêu cầu và trình độ quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh: dựa trên cơ sở trình độ, yêu cầu và tổ chức quản lý để xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành. Với trình độ cao có thể chi tiết đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành ở các góc độ khác nhau; ngược lại, nếu trình độ thấp thì đối tượng đó có thể bị hạn chế và thu hẹp lại.

Việc xác định rõ mối quan hệ và sự khác nhau giữa đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành là vấn đề có ý nghĩa lớn, mang tính định hướng cho tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

### **1.5.2. Kỳ tính giá thành sản phẩm.**

Là thời kỳ bộ phận giá thành cần thiết tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành, thông thường các doanh nghiệp sản xuất với khối lượng sản phẩm lớn, chu kỳ sản xuất ngắn, xen kẽ liên tục thì kỳ

tính giá thành thích hợp là vào thời điểm cuối mỗi tháng. Nhiều doanh nghiệp tổ chức đơn chiếc hoặc hàng loạt theo đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất dài, sản phẩm hoặc loạt sản phẩm đó chỉ hoàn thành khi kết thúc chu kỳ sản xuất của sản phẩm hoặc loạt sản phẩm đó, thì chu kỳ tính giá thành thích hợp là thời điểm mà sản phẩm hoặc loạt sản phẩm đó đã hoàn thành.

## **1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất.**

### **1.6.1. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.**

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí. Về cơ bản, phương pháp hạch toán chi phí bao gồm các phương pháp hạch toán chi phí theo sản phẩm, theo đơn đặt hàng, theo giai đoạn công nghệ, theo phân xưởng, theo nhóm sản phẩm v.v... Về thực chất, khi vận dụng các phương pháp hạch toán chi phí sản xuất trong công tác kế toán hàng ngày chính là việc kế toán mở các thẻ hoặc sổ chi tiết hạch toán chi phí phát sinh có liên quan đến đối tượng đã xác định, phản ánh các chi phí có liên quan đến đối tượng, hàng tháng tổng hợp chi phí theo từng đối tượng. Mỗi phương pháp hạch toán chi phí ứng với một loại đối tượng hạch toán chi phí nên tên gọi của phương pháp này biểu hiện đối tượng mà nó cần tập hợp và phân loại chi phí.

### **1.6.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất.**

#### **1.6.2.1. Trình tự hạch toán chi tiết chi phí sản xuất.**

Để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm được chính xác, nhanh chóng, cần tiến hành hạch toán chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng tính giá. Tùy theo từng đối tượng tập hợp chi phí, công việc hạch toán chi tiết chi phí sản xuất có thể khác nhau nhưng có thể khái quát lại qua các bước sau:

*Bước 1:* Mở sổ (hoặc thẻ) hạch toán chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, sản phẩm, nhóm sản phẩm...). Sổ được mở riêng cho từng tài khoản 621, 622, 627, 154. Căn cứ để ghi vào sổ là sổ chi tiết các tài khoản tháng trước và các chứng từ gốc, các bảng phân bổ (tiền lương, BHXH, vật liệu, dụng cụ, khấu hao...), bảng kê

chi phí theo dự toán. Số có thể mở riêng cho từng đối tượng hoặc mở chung cho nhiều đối tượng.

*Bước 2:* Tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ có liên quan cho từng đối tượng hạch toán.

*Bước 3:* Tổng hợp toàn bộ chi phí phát sinh theo từng nội dung thuộc từng đối tượng hạch toán vào cuối kỳ làm cơ sở cho việc tính giá thành. Đồng thời, lập thẻ tính giá thành sản phẩm theo từng loại. Căn cứ để lập thẻ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, là các thẻ tính giá thành sản phẩm kỳ trước, sổ hạch toán chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh kỳ này và biên bản kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ cùng với bảng kê khai khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành trong kỳ.

#### **1.6.2.2. Trình tự hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất.**

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm nhiều loại với tính chất và nội dung khác nhau, phương pháp hạch toán và tính nhập chi phí vào giá thành sản phẩm cũng khác nhau. Khi phát sinh, trước hết chi phí sản xuất được biểu hiện theo yếu tố chi phí rồi mới được biểu hiện thành các khoản mục giá thành sản phẩm.

Việc tập hợp chi phí sản xuất phải được tiến hành theo một trình tự hợp lý, khoa học thì mới có thể tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời được. Trình tự hạch toán này phụ thuộc vào đặc điểm sản xuất của từng ngành nghề, từng doanh nghiệp, vào mối quan hệ giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, vào trình độ công tác quản lý và hạch toán.... Tuy nhiên, có thể khái quát chung việc tập hợp chi phí sản xuất qua các bước sau:

*Bước 1:* Tập hợp chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng sử dụng.

*Bước 2:* Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất - kinh doanh phụ từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và giá thành đơn vị lao vụ.

*Bước 3:* Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan.

*Bước 4:* Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

Tùy theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp mà nội dung, cách thức hạch toán chi phí sản xuất có những điểm khác nhau.

### **1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.**

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là một phương pháp hoặc hệ thống phương pháp được sử dụng để tính giá thành của một đơn vị sản phẩm, nó mang tính thuần túy kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành. Về cơ bản, phương pháp tính giá thành bao gồm phương pháp trực tiếp, phương pháp tổng cộng chi phí, phương pháp tỷ lệ v.v.... Việc tính giá thành sản phẩm trong từng doanh nghiệp cụ thể, tùy thuộc vào đối tượng hạch toán chi phí và đối tượng tính giá thành mà có thể áp dụng một trong các phương pháp nói trên hoặc áp dụng kết hợp một số phương pháp với nhau.

#### **1.7.1. Phương pháp trực tiếp (còn gọi là phương pháp giản đơn).**

Phương pháp này thích hợp ở những doanh nghiệp mà một số đối tượng tính giá thành thích ứng với một đối tượng tập hợp chi phí, đó là các doanh nghiệp điện, nước,....., có quy trình công nghệ khép kín, giản đơn, chu kỳ sản xuất ngắn, chỉ sản xuất một loại sản phẩm hoặc doanh nghiệp in, may mặc,... sản xuất nhiều loại sản phẩm nhưng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất được xác định cho từng loại sản phẩm. Chi phí sản xuất tập hợp theo phương pháp này là trực tiếp hoặc gián tiếp.

$$\begin{array}{ccccccccc} \textit{Tổng giá} & & \textit{Giá trị} & & \textit{Chi phí sản} & & \textit{Các phát} & & \textit{Giá trị} \\ \textit{thành sản} & & \textit{sản phẩm} & & \textit{xuất thực tế} & & \textit{sinh giảm} & & \textit{sản phẩm} \\ \textit{phẩm hoàn} & = & & + & & - & & - & \\ \textit{thành} & & \textit{dở dang} & & \textit{phát sinh} & & \textit{chi phí} & & \textit{dở dang} \\ & & \textit{đầu kỳ} & & \textit{trong kỳ} & & \textit{sản xuất} & & \textit{cuối kỳ} \end{array}$$

Đồng thời, dựa vào sản lượng thực tế do bộ phận thống kê cung cấp, xác định giá thành đơn vị:



$$\frac{\text{Giá thành đơn vị sản phẩm}}{\text{sản phẩm}} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}$$

### 1.7.2. Phương pháp tổng cộng chi phí.

Áp dụng với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất sản phẩm được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là các bộ phận, chi tiết sản phẩm hoặc giai đoạn công nghệ hay bộ phận sản xuất. Phương pháp này được áp dụng phổ biến trong các doanh nghiệp khai thác, dệt, nhuộm, cơ khí chế tạo....

Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z_1 + Z_2 + \dots + Z_n$$

### 1.7.3. Phương pháp hệ số.

Phương pháp này thường được áp dụng khi một đối tượng hạch toán chi phí sản xuất ứng với nhiều đối tượng tính giá thành và doanh nghiệp đã xác định được hệ số của từng loại sản phẩm dựa vào tiêu thức thích hợp: trọng lượng, kích thước sản phẩm,... Đó là các doanh nghiệp ngành hóa chất, hóa dầu,...

Đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm và đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ.

$$\frac{\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc}}{\text{sản phẩm gốc}} = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất của tất cả các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc được quy đổi từ tất cả các loại sp}}$$

$$\frac{\text{Tổng giá thành sản xuất của tất cả các loại sản phẩm}}{\text{sản phẩm gốc}} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ}}{\text{đầu kỳ}} + \frac{\text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ}}{\text{trong kỳ}} - \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ}}{\text{cuối kỳ}}$$

$$\frac{\text{Tổng số sản phẩm gốc hoàn thành}}{\text{sản phẩm gốc}} = \sum I \left[ \frac{\text{Số lượng sản phẩm loại } I (Q_i)}{\text{phẩm loại } I (Q_i)} \times \frac{\text{Hệ số quy đổi của sản phẩm loại } I (H_i)}{\text{sản phẩm loại } I (H_i)} \right]$$

Ta có:  $Q = \sum Q_i \times H_i$

Trong đó:

-  $Q_i$ : Số lượng sản phẩm  $i$  (chưa quy đổi)

-  $H_i$ : Hệ số quy đổi của sản phẩm  $i$ .

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm loại } i (Z_i) = \frac{\text{Giá thành đơn vị sản phẩm tiêu chuẩn } (Z_0)}{\text{Hệ số quy đổi sản phẩm } i (H_i)} \times$$

Việc tính giá thành thực tế của từng đối tượng phải căn cứ vào hệ số chi phí của từng loại sản phẩm. Dựa vào hệ số chi phí, kế toán quy đổi tất cả các loại sản phẩm khác nhau về cùng một loại sản phẩm chuẩn, sau đó tính giá thành thực tế của sản phẩm chuẩn và xác định giá thực tế của các loại sản phẩm.

#### 1.7.4. Phương pháp tỷ lệ.

Điều kiện áp dụng: trong các doanh nghiệp đã xây dựng được chỉ tiêu giá thành kế hoạch cho từng đối tượng.

Căn cứ vào tổng giá thành thực tế và tổng giá thành kế hoạch của các loại sản phẩm tính theo sản lượng thực tế, kế toán tính tỷ lệ điều chỉnh giá thành.

$$\text{Tỷ lệ điều chỉnh giá thành sản phẩm (\%)} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế các loại sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch các loại sản phẩm hoàn thành trong kỳ}} \times 100$$

$$\text{Giá thành sản xuất thực tế của các loại sản phẩm } i = \frac{\text{Giá thành kế hoạch đơn vị của loại sản phẩm } i}{\text{Sản lượng thực tế sản phẩm } i} \times \text{Tỷ lệ điều chỉnh giá sản phẩm}$$

#### 1.7.5. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ.

Để tính giá trị sản phẩm chính, kế toán phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ khỏi tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Giá trị sản phẩm phụ có thể được

xác định theo nhiều phương pháp như giá có thể sử dụng, giá trị ước tính, giá kế hoạch, giá nguyên liệu ban đầu....

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị sản phẩm chính} & = & \text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} & + & \text{Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} & - & \text{Giá trị sản phẩm phụ thu hồi} & - & \text{Giá trị sản phẩm chính dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

### 1.7.6. Phương pháp liên hợp.

Là phương pháp áp dụng trong những doanh nghiệp có tổ chức sản xuất, tính chất quy trình công nghệ và tính chất sản phẩm làm ra đòi hỏi việc tính giá thành phải kết hợp nhiều phương pháp khác nhau như các doanh nghiệp sản xuất hóa chất, dệt kim, đóng giày, may mặc.....

### 1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang.

Sản phẩm dở dang là sản phẩm chưa hoàn thành, còn đang dang dở trên dây chuyền sản xuất hay các phân xưởng sản xuất, đánh giá giá trị sản phẩm dở dang là sử dụng các công cụ kế toán (được thực hiện bằng phương pháp như phương pháp ước lượng tương đương hoặc phương pháp chi phí trực tiếp,...) để xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tương ứng với số lượng sản phẩm dở dang.

#### 1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất sản phẩm, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ ít. Như vậy vẫn đảm bảo được mức độ chính xác, đơn giản và giảm được khối lượng tính toán.

- Theo phương pháp này, chỉ tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp còn chi phí khác tính cho cả sản phẩm hoàn thành.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} & = & \frac{\text{Chi phí NVL trực tiếp trong spdd đầu kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}} & + & \frac{\text{Chi phí NVL trực tiếp thực tế phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng spdd cuối kỳ}} & \times & \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

*Spdd*: sản phẩm dở dang

### 1.8.2. Đánh giá theo ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

Theo phương pháp này, ta cần quy đổi khối lượng sản phẩm dở dang ra thành khối lượng hoàn thành tương đương. Sau đó, xác định từng khoản mục chi phí theo nguyên tắc sau:

- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bỏ vào một lần ngay từ đầu quá trình sản xuất thường được coi như phân bổ đều 100% cho cả thành phẩm và sản phẩm dở dang.

- Đối với các chi phí bỏ dần vào quá trình sản xuất thì giá trị sản phẩm dở dang được tính theo sản lượng hoàn thành tương đương theo công thức sau:

Sản phẩm dở dang theo phương pháp này là chi phí vật liệu trực tiếp và chi phí chế biến (bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung).

$$\begin{array}{l} \text{Khoản mục} \\ \text{chi phí sản} \\ \text{xuất nằm} \\ \text{trong spdd} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Khoản mục chi phí} \\ \text{sản xuất nằm trong} \\ \text{spdd đầu kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array}} + \frac{\begin{array}{l} \text{Khoản mục chi phí} \\ \text{sản xuất thực tế phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng spdd} \\ \text{quy đổi} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{spdd} \\ \text{quy đổi} \end{array}$$

$$\text{Số lượng spdd quy đổi} = \text{Số lượng spdd cuối kỳ} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành}$$

$$\text{Tổng giá trị spdd cuối kỳ} = \text{Tổng các chi phí nằm trong spdd cuối kỳ}$$

### 1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo giá thành định mức

Phương pháp này thích hợp khi áp dụng cho các doanh nghiệp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp định mức, có đầy đủ hệ thống các định mức chi phí. Theo phương pháp này, căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang và chi phí định mức cho một đơn vị sản phẩm ở từng phân xưởng (giai đoạn) để tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ, cũng có thể chỉ tính theo định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc cho tất cả các khoản mục chi phí.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị spdd} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất định mức} \\ \text{cho 1 đơn vị sản phẩm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{spdd cuối kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hoàn} \\ \text{thành} \end{array}$$

## **1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.**

### **1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX) là việc theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất, tồn kho các loại vật tư, hàng hóa, thành phẩm, sản phẩm dở dang trên sổ kế toán. Theo phương pháp này, có thể xác định giá trị hàng tồn kho vào bất kỳ thời điểm nào của doanh nghiệp. Nó thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn, tiến hành nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh, nhiều loại sản phẩm khác nhau với số lượng lớn, giá trị cao.

#### **1.9.1.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí về nguyên vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ,....sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm. Các chi phí này thường được xây dựng định mức chi phí và tổ chức quản lý theo định mức.

Để tập hợp và phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 621 “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”, có kết cấu như sau:

**Bên nợ:** Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm.

**Bên có:**

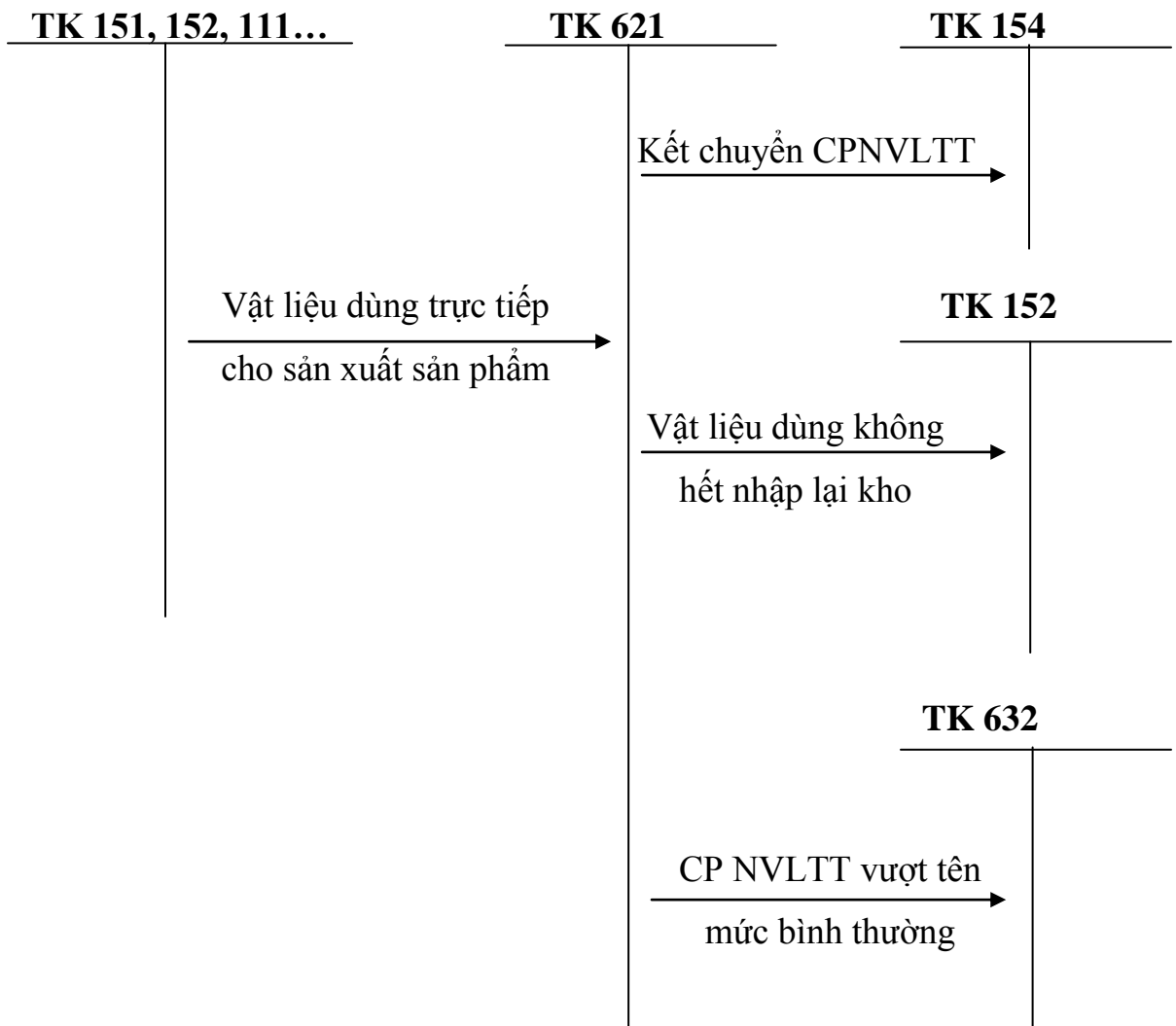
- Giá trị nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho hoặc chuyển sang kỳ sau.
- Kết chuyển hoặc phân bổ giá trị nguyên vật liệu trực tiếp thực tế sử dụng cho sản xuất trong kỳ để tính giá thành.

Tài khoản 621 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Trong kỳ, khi phát sinh các nghiệp vụ xuất kho hoặc mua ngoài NVL sử dụng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm thì kế toán tập hợp vào bên nợ TK 621. Cuối kỳ, kết chuyển sang TK 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Trình tự sơ đồ như sau:

**Sơ đồ 1.1**

**Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**



**1.9.1.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.**

Chi phí nhân công trực tiếp là toàn bộ tiền lương, phụ cấp mang tính lương mà doanh nghiệp trả cho người lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm, thực hiện các dịch vụ. Ngoài ra, chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm các khoản tiền trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất mà doanh nghiệp phải chịu.

Chi phí về tiền công, tiền lương được xác định cụ thể tùy thuộc vào hình thức trả lương của doanh nghiệp theo thời gian hay theo sản phẩm. Chi phí nhân công trực tiếp chủ yếu là tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất được thanh toán trực tiếp vào từng đối tượng chịu chi phí. Trong trường hợp

không xác định được chi phí cho từng đối tượng, thì dùng biện pháp phân bổ theo số giờ hoặc số ngày công tiêu chuẩn.

Để tập hợp và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622 “ Chi phí nhân công trực tiếp”, có kết cấu như sau:

**Bên nợ:** Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ.

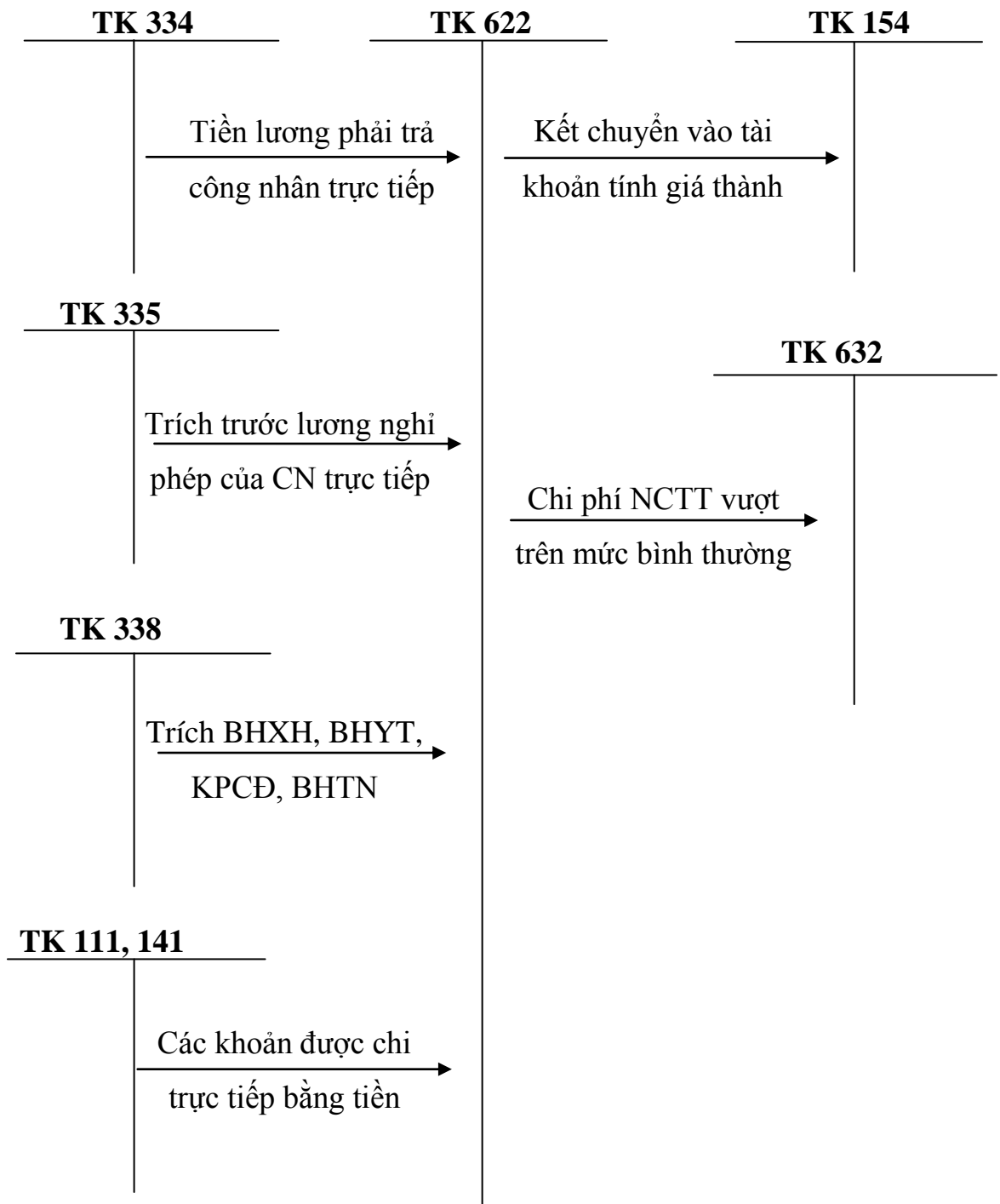
**Bên có:** Kết chuyển và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng chịu chi phí liên quan.

TK 622 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của doanh nghiệp. TK 622 không sử dụng trong các doanh nghiệp thương mại.

Trong kỳ, khi phát sinh các khoản chi phí nhân công trực tiếp, kế toán tập hợp vào bên nợ TK 622, cuối kỳ kết chuyển sang TK154. Sơ đồ hạch toán khái quát như sau:

Sơ đồ 1.2

Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp





### 1.9.1.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung là những chi phí gián tiếp có liên quan chung đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện lao vụ, dịch vụ trong phạm vi phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp.

Nếu phân xưởng sản xuất ra nhiều sản phẩm và tổ chức theo dõi riêng thì chi phí sản xuất chung phải được phân bổ, kế toán có thể sử dụng các tiêu thức phân bổ sau: tỷ lệ tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất tỷ lệ với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp....

$$\text{Mức CPSXC phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng CPSXC cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}$$

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được tập hợp vào TK 627. TK 627 có kết cấu như sau:

**Bên nợ:** Tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong kỳ

**Bên có:**

- Các khoản làm giảm chi phí sản xuất chung
- Phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng chịu chi phí

TK 627 được chi tiết thành các tài khoản cấp hai như sau:

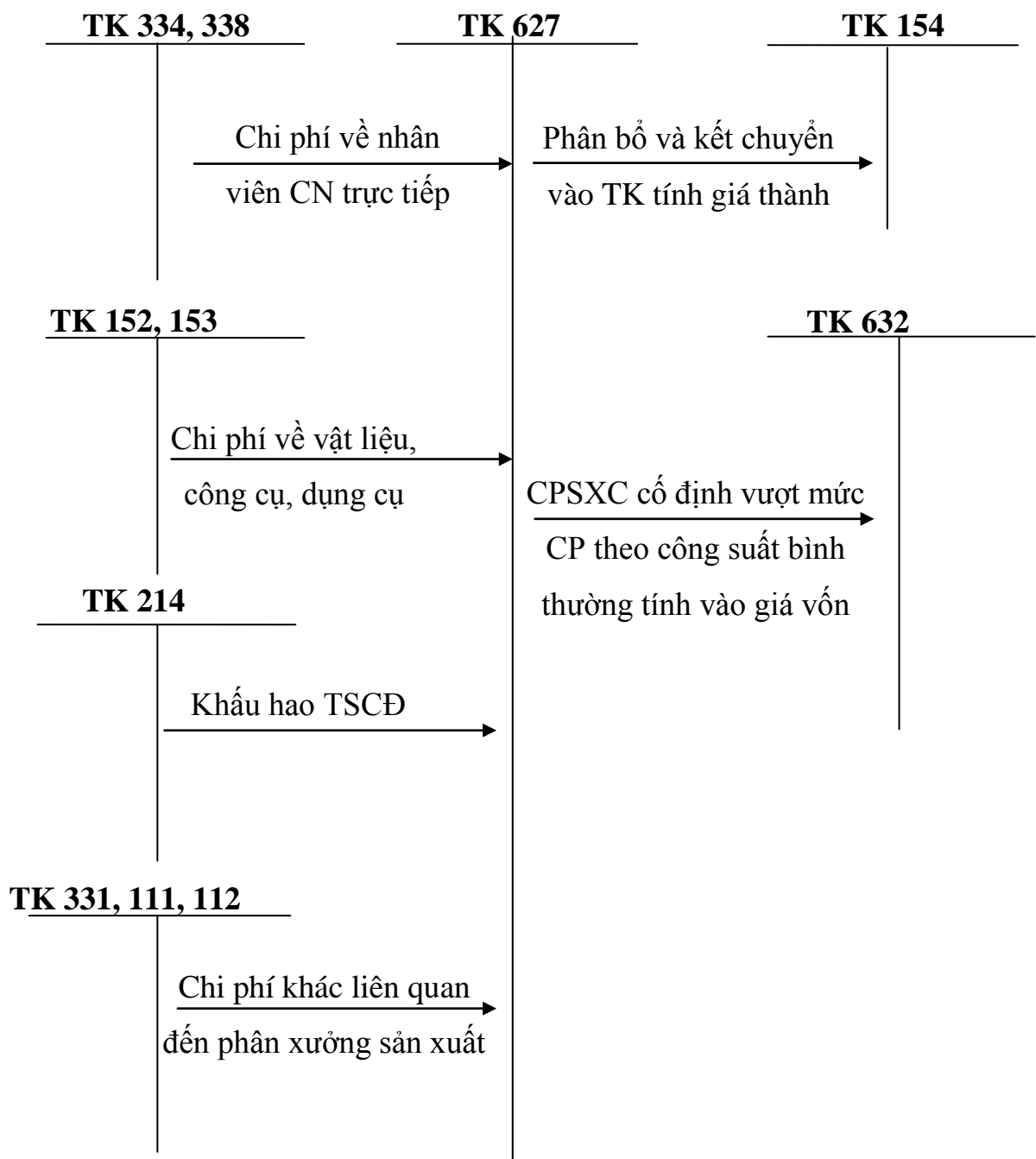
- TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng
- TK 6272: Chi phí vật liệu
- TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất
- TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6278: Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản 627 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí.

Trong kỳ, khi phát sinh các nghiệp vụ như: Trích khấu hao TSCĐ ở phân xưởng sản xuất, chi phí điện, nước phục vụ hoạt động phân xưởng,.... Thì kế toán tập hợp vào bên Nợ TK 627. Nếu có các nghiệp vụ phát sinh giảm chi phí sản xuất chung thì tập hợp vào bên có TK 627. Cuối kỳ, kết chuyển sang TK 154. Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung được khái quát như sau:

**Sơ đồ 1.3:**

**Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất chung**





### **1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Ngoài các tài khoản được sử dụng ở phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán còn sử dụng tài khoản 631 – giá thành sản xuất. TK này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, lao vụ ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

**Bên nợ:** - Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ

- Tổng hợp chi phí sản xuất trong kỳ.

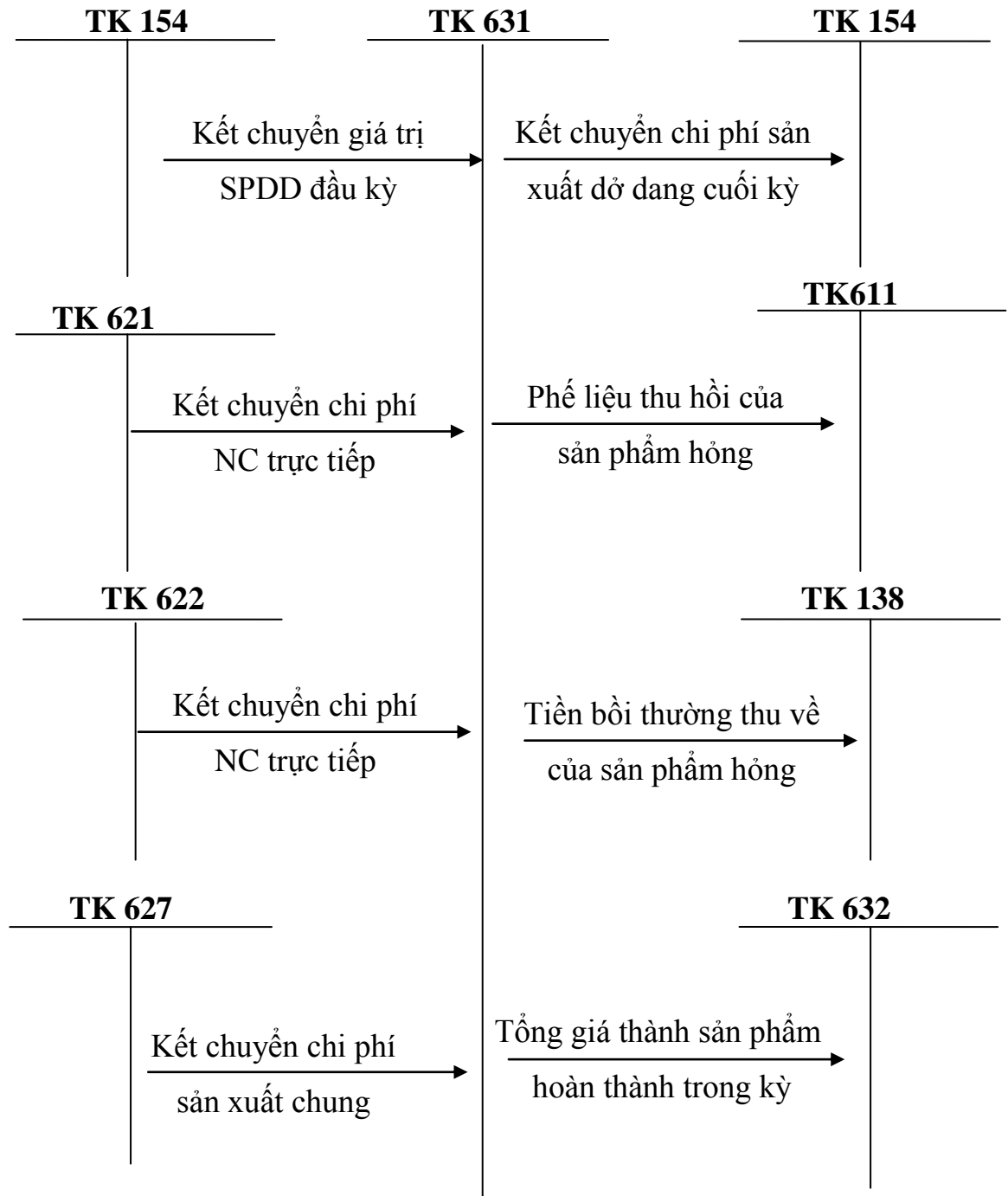
**Bên có:** - Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

- Tổng hợp giá thành sản phẩm, dịch vụ hoàn thành trong kỳ.

TK 631 cuối kỳ không có số dư và được hạch toán chi tiết theo từng nơi phát sinh chi phí (phân xưởng, tổ đội sản xuất...) và theo loại sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm.

**Sơ đồ 1.5:**

**Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



## **1.10. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.**

### **1.10.1. Hạch toán về thiệt hại sản phẩm hỏng.**

Sản phẩm hỏng là sản phẩm không thỏa mãn các tiêu chuẩn chất lượng và đặc điểm kỹ thuật của sản xuất về màu sắc, kích cỡ, trọng lượng, cách thức lắp ráp. Tùy theo mức độ hư hỏng mà sản phẩm hỏng được chia làm 2 loại.

+ Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được là sản phẩm có thể sửa chữa được về mặt kỹ thuật và sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

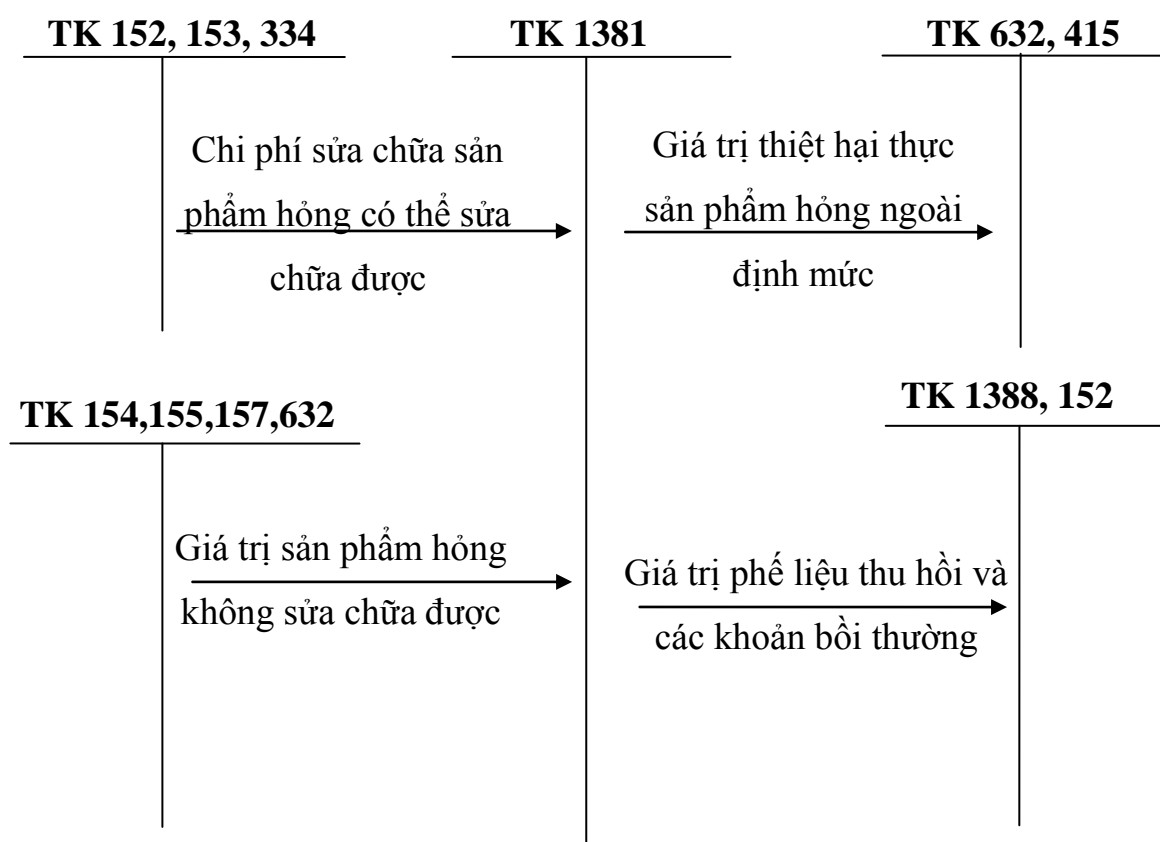
+ Sản phẩm hỏng không sửa chữa được là sản phẩm không thể sửa chữa được về mặt kỹ thuật hoặc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

Trong quan hệ với công tác kế hoạch sản xuất thì loại sản phẩm hỏng trên lại được chi tiết thành sản phẩm hỏng trong định mức (doanh nghiệp dự kiến sẽ xảy ra trong sản xuất) và sản phẩm hỏng ngoài định mức (sản phẩm hỏng ngoài dự kiến của nhà sản xuất).

Sản phẩm hỏng trong định mức được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán hay chi phí khác. Còn thiệt hại của sản phẩm hỏng ngoài định mức được xem là khoản phí tổn thời kỳ phải trừ vào thu nhập. Toàn bộ giá trị thiệt hại được theo dõi riêng trên tài khoản 1381 "tài sản thiếu chờ xử lý" (chi tiết sản phẩm hỏng ngoài định mức)

**Sơ đồ 1.6:**

**Sơ đồ hạch toán thiệt hại sản phẩm hỏng ngoài định mức**



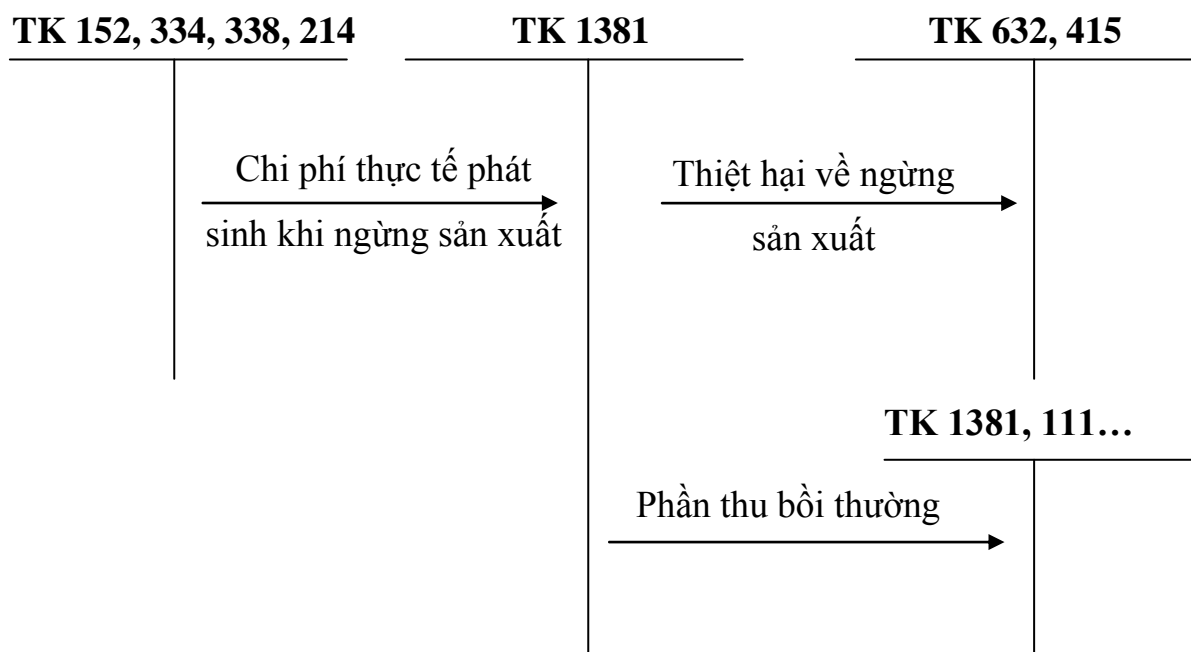
**1.10.2. Hạch toán thiệt hại về ngừng sản xuất.**

Trong thời gian ngừng sản xuất vì những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (thiên tai dịch họa, thiếu nguyên vật liệu...) các doanh nghiệp vẫn phải bỏ ra một số khoản chi phí để duy trì hoạt động như tiền công lao động, khấu hao TSCĐ chi phí bảo dưỡng... đó được coi là những thiệt hại khi ngừng sản xuất. Những thiệt hại ngừng sản xuất theo kế hoạch dự kiến và ngừng sản xuất bất thường.

Đối với những khoản chi phí ngừng sản xuất. Theo dự kiến, kế toán sử dụng tài khoản 335 (Chi phí phải trả) để theo dõi. Còn những khoản chi phí ngừng sản xuất bất thường được kế toán theo dõi riêng trên tài khoản 1381 (Chi tiết thiệt hại ngừng sản xuất). Cuối kỳ sau khi đi phân thu thu hồi (nếu có do bồi thường) giá trị thiệt hại thực tế sẽ được tính vào giá vốn hàng bán, hay chi phí khác....

**Sơ đồ 1.7:**

**Sơ đồ hạch thiệt hại sản ngừng sản xuất ngoài kế hoạch**



**1.11. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.**

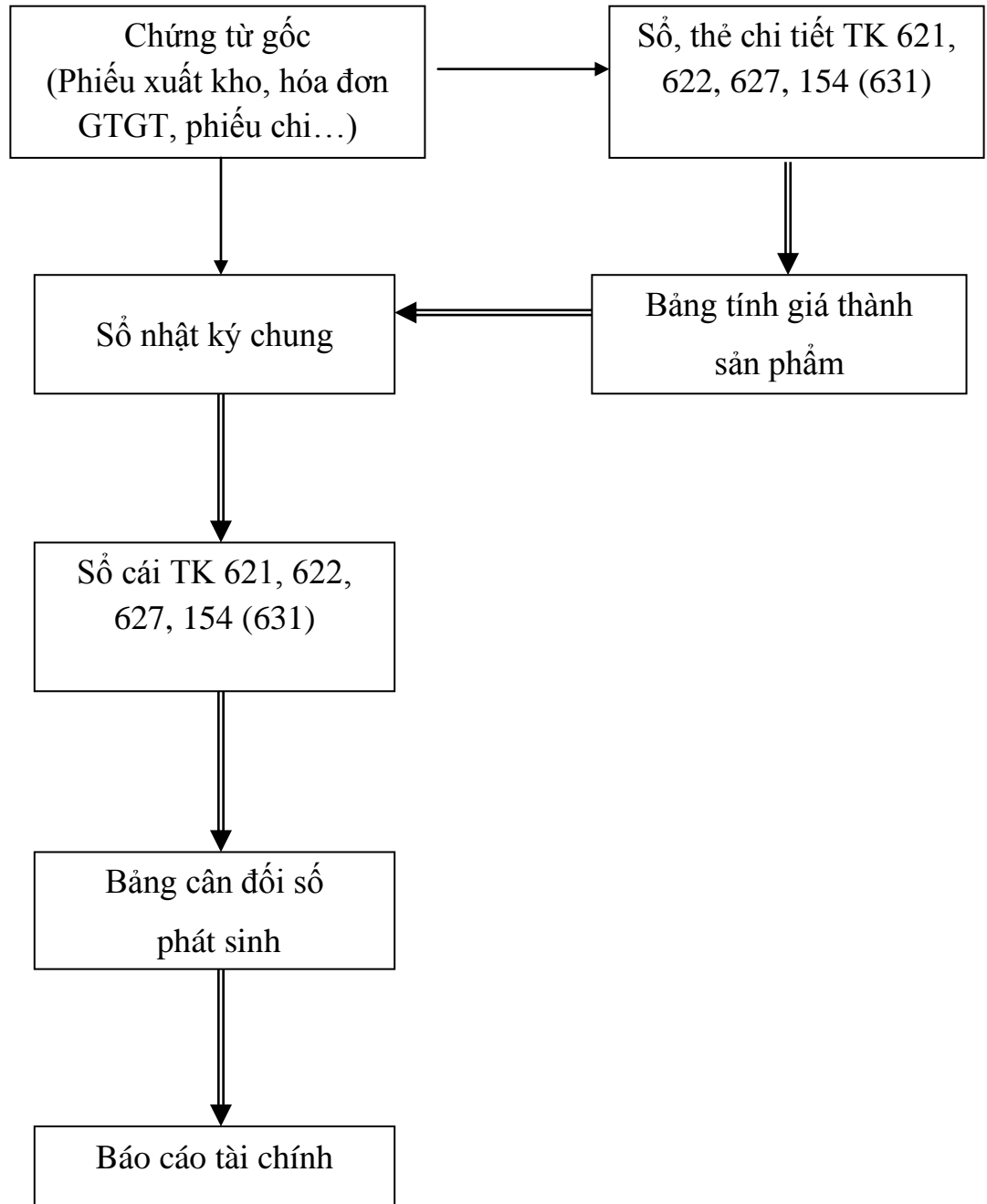
**1.11.1. Hình thức sổ “ Nhật ký chung”**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được phản ánh ở chứng từ gốc đều phải được ghi vào sổ Nhật ký (nhật ký chung – nhật ký đặc biệt) sau đó lấy số liệu từ sổ nhật ký để ghi vào sổ cái, với các nghiệp vụ phải theo dõi chi tiết kế toán mở sổ chi tiết, cuối kỳ vẫn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp chi tiết.

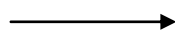


**Sơ đồ 1.8:**

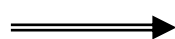
**Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung**



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



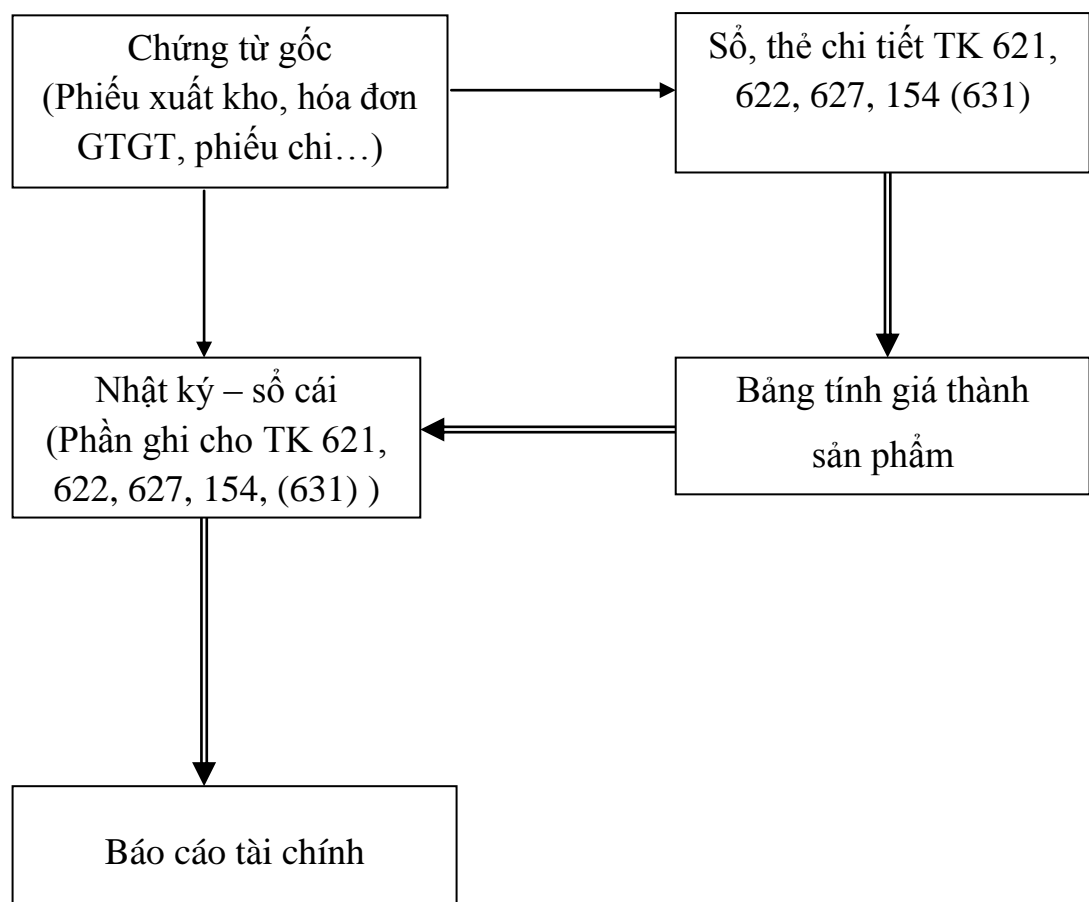
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

### 1.11.2. Hình thức “Nhật ký sổ cái”

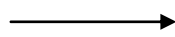
Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc được ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – sổ cái.

#### Sơ đồ 1.9:

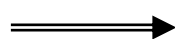
Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – sổ cái



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



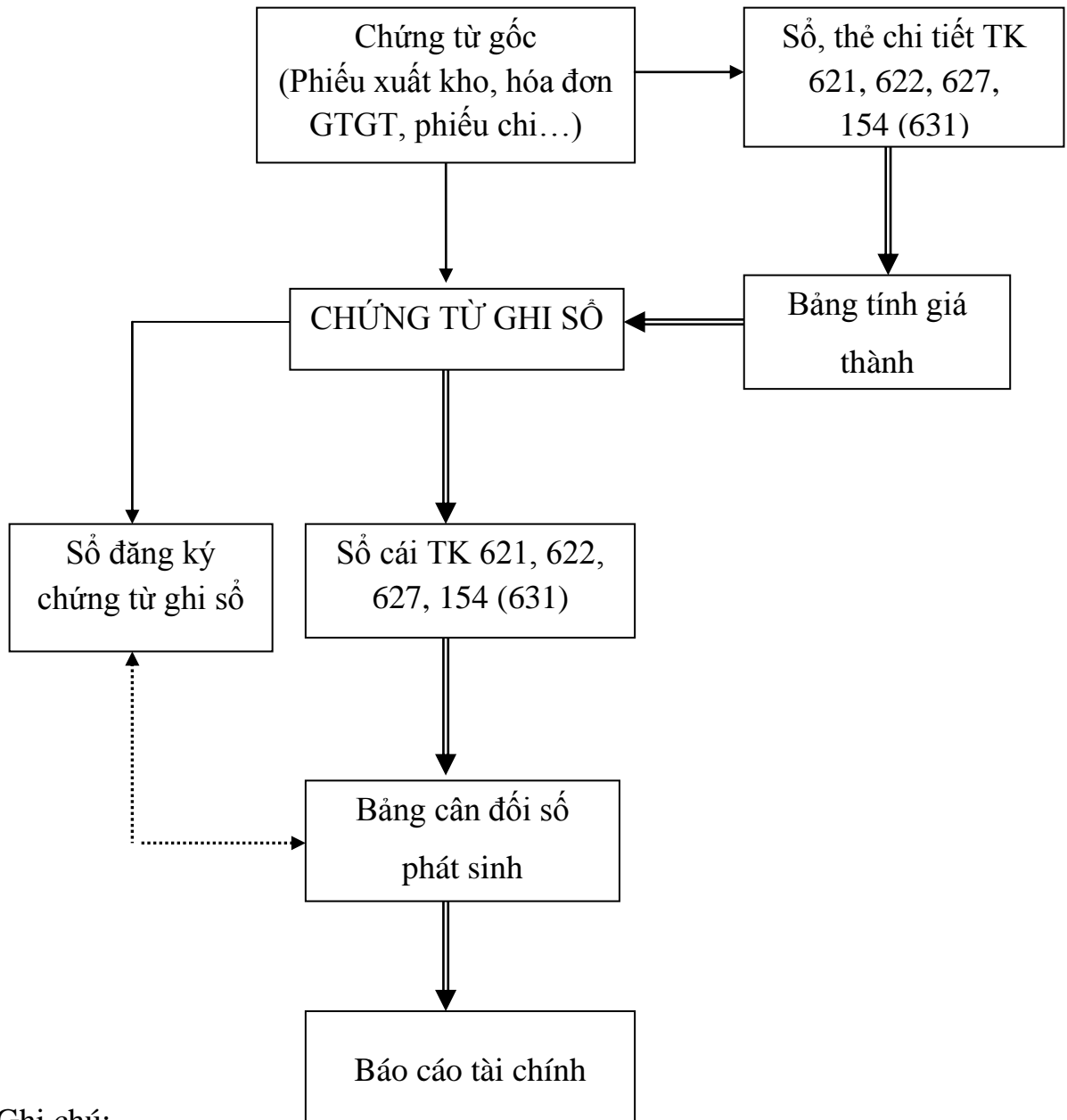
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

### 1.11.3. Hình thức “ Chứng từ ghi sổ”

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán tiến hành lập bảng chứng từ cùng loại. Sau đó lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán tiến hành ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái tài khoản

Sơ đồ 1.10:

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

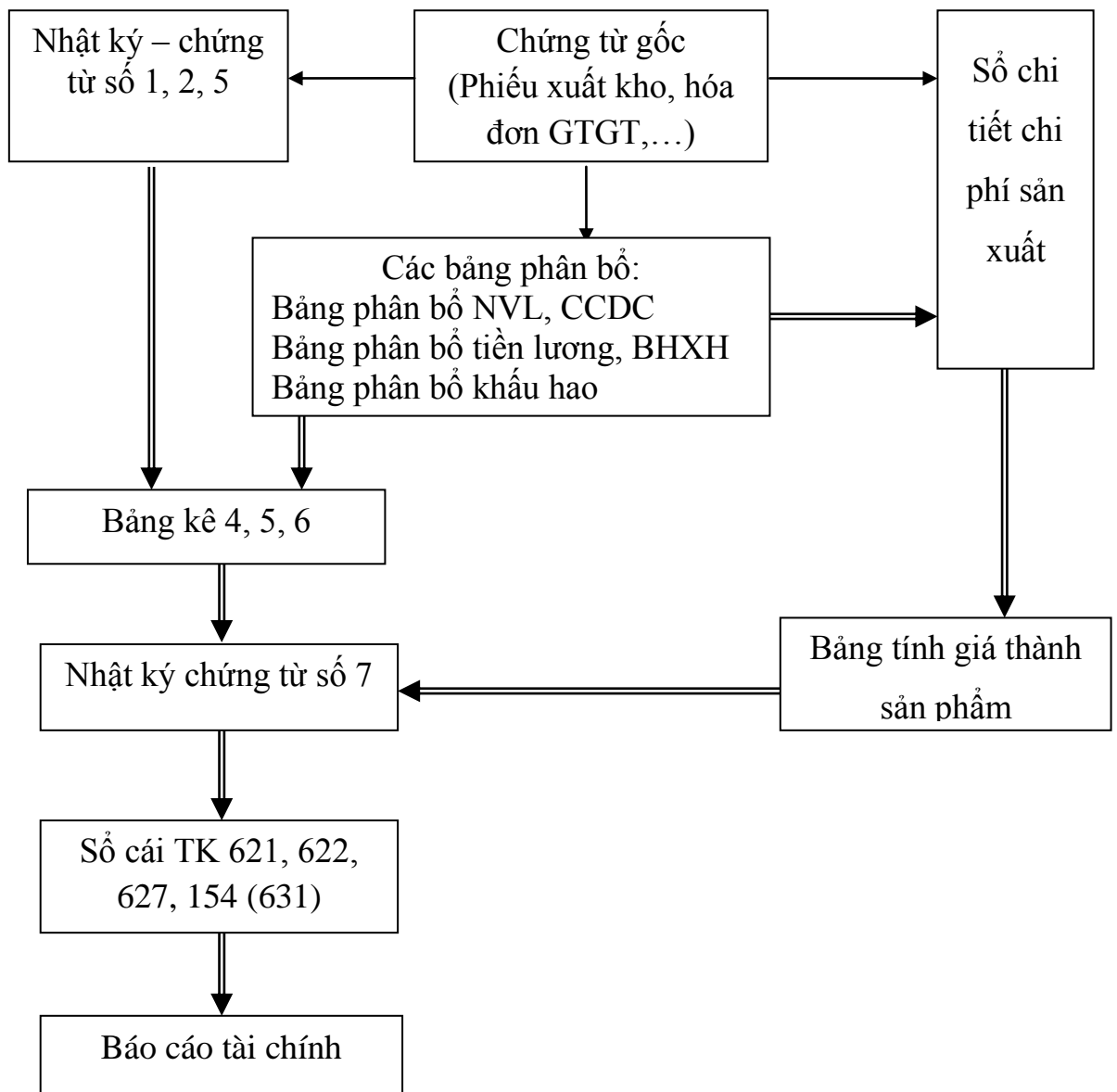
- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-.-> Quan hệ đối chiếu kiểm tra

### 1.11.4. Hình thức “Nhật ký - chứng từ”

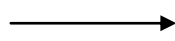
Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán phản ánh vào các Nhật ký – chứng từ và các bảng kê có liên quan. Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên Nhật ký – chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản.

Sơ đồ 1.11:

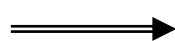
Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – chứng từ



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

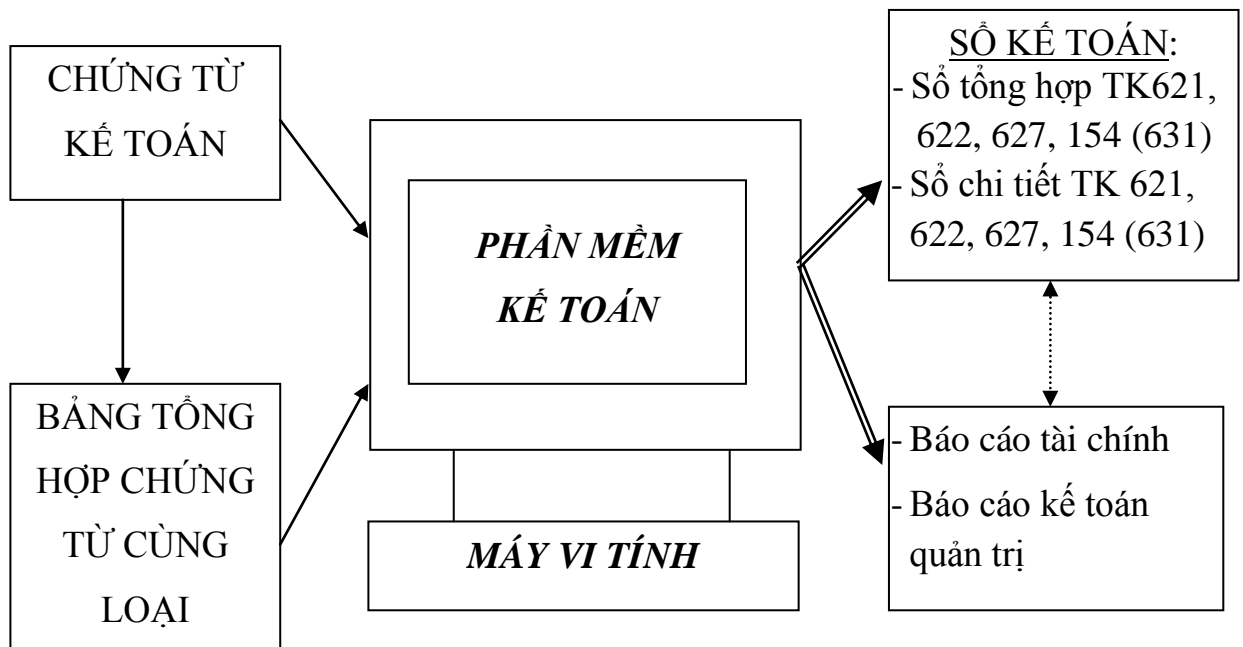
### 1.11.5 . Hình thức kế toán trên máy vi tính

Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế trên hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

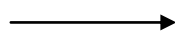
Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.12:

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Kế toán trên máy vi tính



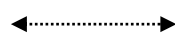
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Đối chiếu

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ VẬT TƯ Y TẾ HẢI PHÒNG

#### **2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

##### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

Công ty Cổ phần Dược liệu và Vật tư Y tế Hải Phòng được thành lập ngày 20 tháng 1 năm 2007 ( do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) với số vốn điều lệ ban đầu là: 1.286.000.000 ( một tỷ hai trăm tám sáu triệu đồng) bởi 5 cổ đông. Trụ sở chính của công ty đặt tại số 31/51 Phạm Tử Nghi - Lê Chân Hải Phòng.

Lĩnh vực kinh doanh chính là: Trồng cây dược liệu, sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu, buôn bán dược phẩm , sinh phẩm y tế, vắc xin và dụng cụ y tế, sản xuất mỹ phẩm, sản xuất thực phẩm chức năng ...

Ngày 1 tháng 12 năm 2010 công ty đăng ký thay đổi lần 1 trên cơ sở thay đổi một số cổ đông và tăng vốn điều lệ lên 8.500.000.000 ( tám tỷ năm trăm triệu đồng ) đồng thời chuyển trụ sở công ty về số nhà 20 Phạm Tử Nghi, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân - TP Hải Phòng. Các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh vẫn giữ nguyên.

Công ty đang tiến hành nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Iso 9001:2000, Iso 14000:2004 và HACCP và tiến tới xây dựng nhà máy GMP - Who.

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>
Tổng doanh thu thuần	9.546.540.042	10.106.407.663	11.287.544.795
Tổng giá vốn hàng bán	7.706.386.699	8.080.072.390	9.323.962.394
Tổng lợi nhuận gộp	1.840.253.343	2.026.435.273	1.963.382.401
Tổng lợi nhuận trước thuế	945.816.690	1.256.929.515	1.712.171.581
Thuế nộp nhà nước	189.243.338	251.465.903	342.514.316
Thu nhập bình quân	1.900.000	2.200.000	2.600.000
Vốn kinh doanh bình quân	2.195.781.210	2.526.676.915	3.056.491.425

### **2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

Hiện nay công ty Cổ phần dược liệu và vật tư thiết bị y tế Hải Phòng có 2 phân xưởng riêng biệt, đó là các phân xưởng sau:

- Phân xưởng Đông dược: nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất các mặt hàng thuốc đông dược.
- Phân xưởng Thuốc viên: nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất các mặt hàng thuốc viên.

Do mặt hàng thuốc là mặt hàng đặc biệt, nó liên quan đến sức khỏe và sinh mạng của con người nên quy trình sản xuất có giai đoạn phải đảm bảo khép kín và vô trùng. Đặc biệt là đối với sản phẩm thuốc viên, đơn vị của nó phải chính xác đến từng miligam, mililit nhưng lại có giá trị rất lớn, phải đảm bảo tiêu chuẩn dược Việt Nam.

Trong 2 phân xưởng đó thì phân xưởng sản xuất thuốc viên là phân xưởng có số lượng sản xuất lớn hơn cả, còn phân xưởng Đông dược công việc sản xuất chưa đều, sản lượng còn rất nhỏ. Mỗi một loại thuốc đều có quy trình sản xuất khác nhau và đều có tiêu chuẩn kỹ thuật quy định của ngành khác nhau. Quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên là quy trình sản xuất điển hình, rõ ràng qua từng khâu nên sẽ đi sâu vào nghiên cứu tìm hiểu quy trình công nghệ của phân xưởng thuốc viên. Cụ thể như sau:

Các giai đoạn sản xuất:

- Giai đoạn chuẩn bị sản xuất: Căn cứ vào lệnh sản xuất (có ghi rõ số lô, số lượng thành phẩm và các thành phần như nguyên liệu chính, tá dược và quy cách đóng gói, khối lượng trung bình viên....) tổ trưởng tổ pha chế sẽ có nhiệm vụ chuẩn bị đầy đủ các thủ tục như: phiếu lĩnh vật tư, các loại vật tư đó phải được cân đo đong đếm thật chính xác với sự giám sát của kỹ thuật viên ở phân xưởng sản xuất.

- Giai đoạn sản xuất: Bắt đầu vào sản xuất, tổ trưởng tổ sản xuất và kỹ thuật viên phải trực tiếp giám sát công việc pha chế mà công nhân bắt đầu làm, cần thiết có thể chia thành mẻ nhỏ, sau cùng trộn đều theo lô. Tất cả công việc này đều phải được phòng kỹ thuật quản lý theo từng lô. Khi pha chế xong, công việc của kỹ thuật viên là phải kiểm nghiệm bán thành phẩm, nếu đạt tiêu chuẩn ngành thì quy định công việc tiếp theo là giao nhận bán thành phẩm cốm từ khâu pha chế chuyển sang khâu dập viên và ép vỉ (nếu có). Qua khâu dập viên và ép vỉ xong lại chuyển sang khâu đóng gói.

- Giai đoạn kiểm nghiệm, nhập kho thành phẩm (giai đoạn cuối cùng): Khi thành viên, thành viên thuốc và được chuyển về khâu đóng gói, kỹ thuật viên bắt đầu kiểm nghiệm thành phẩm, khi thành phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và có phiếu kiểm nghiệm kèm theo sẽ tiến hành đóng gói cùng với phiếu kiểm nghiệm chuyển lên kho và nhập vào kho của công ty.

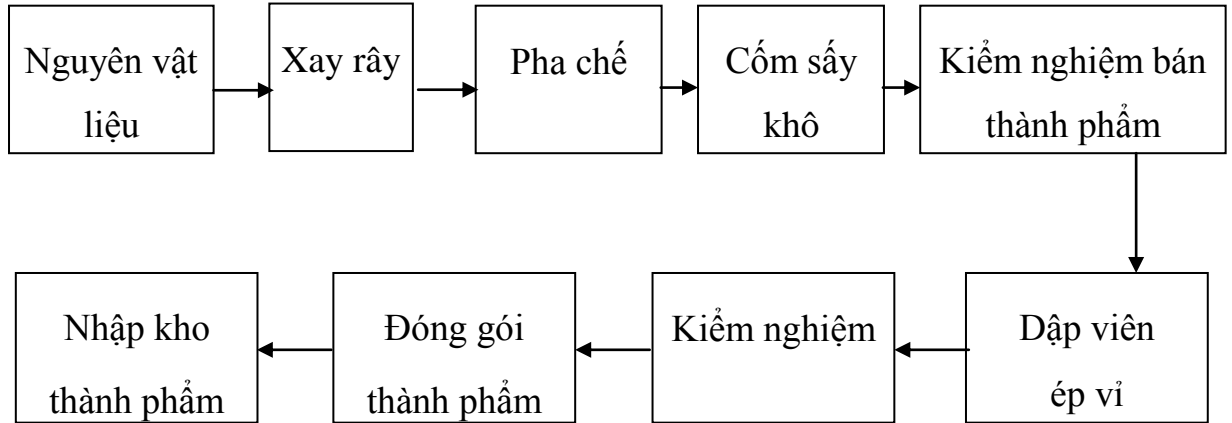
Qua đó thấy được quy trình sản xuất thuốc viên là quy trình sản xuất giản đơn và chế biến kiểu liên tục, chu kỳ sản xuất ngắn, khối lượng sản xuất lớn trên dây chuyền sản xuất. Tại những thời gian nhất định chỉ sản xuất một loại sản phẩm nhất định. Mỗi loại sản phẩm đòi hỏi kỹ thuật sản xuất, chất lượng nguyên liệu và các loại tá dược đi kèm vào công thức sản xuất đó.

Sau đây là quy trình sản xuất ra một số loại sản phẩm chính tại 2 phân xưởng.



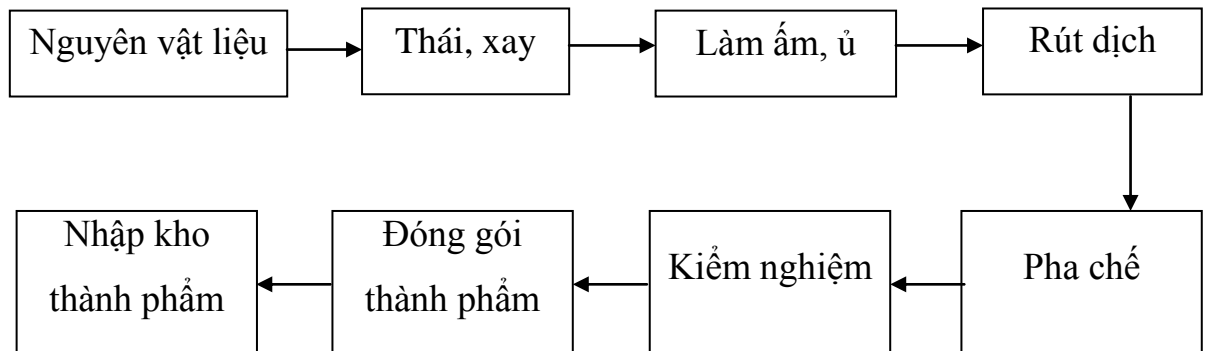
**Sơ đồ 2.1:**

**Quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên tại  
công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**



**Sơ đồ 2.2:**

**Quy trình công nghệ sản xuất bổ sâm tại  
công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng**



(Nguồn: xưởng sản xuất công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng)

Kết quả ở mỗi quy trình công nghệ có thể xác định được giá trị bằng cách kiểm kê những hộp, những kiện thành phẩm và quy trình công nghệ nào càng giảm được chi phí mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm tốt thì chứng tỏ công tác tổ chức sản xuất quy trình công nghệ đó tốt.

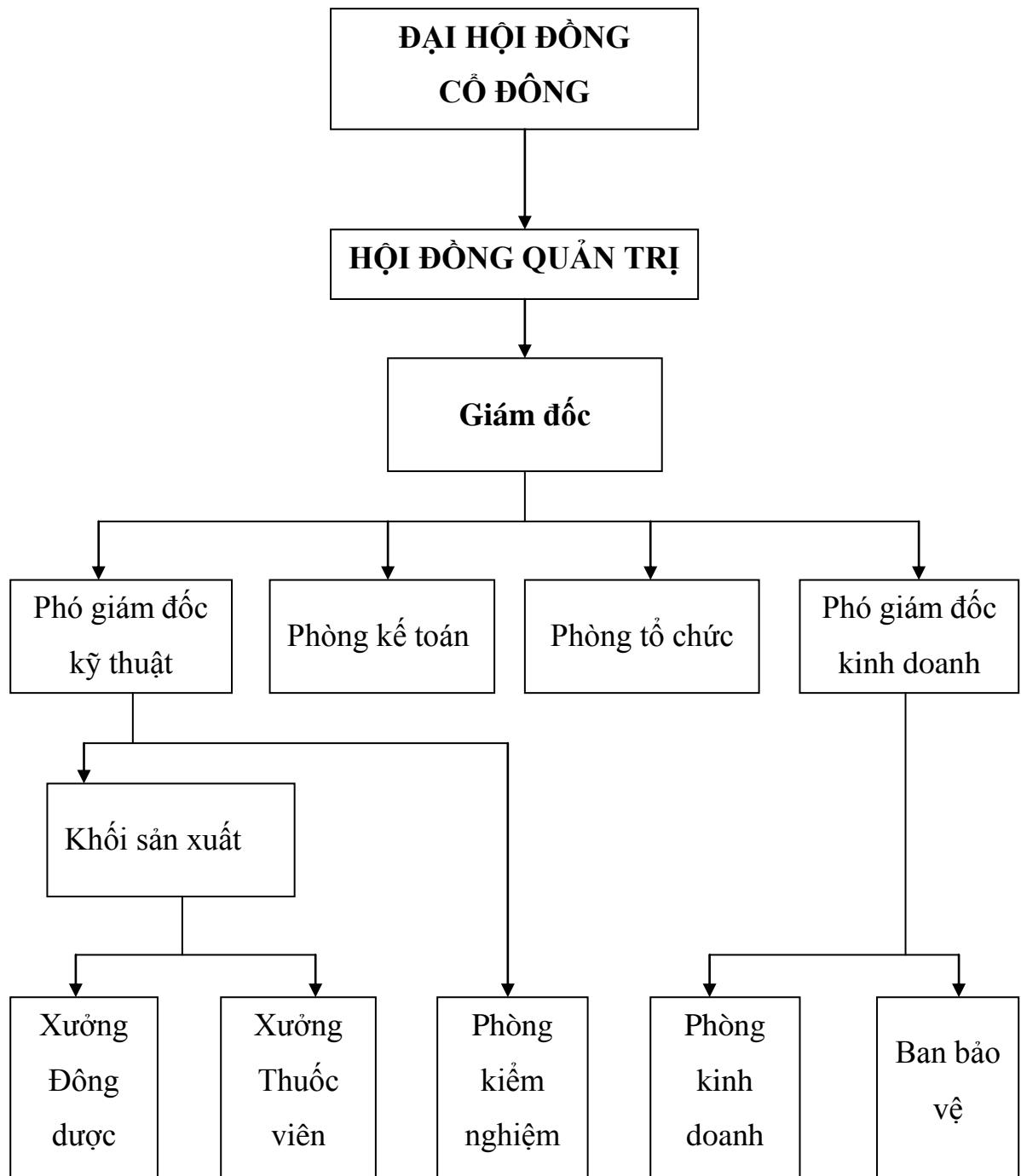
**2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

Bộ máy quản lý công ty bao gồm nhiều bộ phận, giữa các bộ phận có quan hệ chặt chẽ với nhau và được phân thành các khâu, các cấp quản lý với những chức năng và quyền hạn nhất định nhằm thực hiện các mục tiêu.

Bộ máy tổ chức của công ty thực hiện theo mô hình quản lý trực tiếp tập trung nên ban giám đốc của công ty có thể nắm được tình hình sản xuất kinh doanh một cách kịp thời tạo điều kiện giúp giám đốc công ty hiểu rõ được thực trạng của công ty.

**Sơ đồ 2.3:**

**Sơ đồ bộ máy tổ chức của công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng**



- **Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là các cơ quan quyền lực cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề được pháp luật và điều lệ của công ty quy định. Đặc biệt là các cổ đông thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty, và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra hội đồng quản trị của công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, toàn quyền nhân danh công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty phù hợp với pháp luật, trừ vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, quản trị công ty theo pháp luật, điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- **Giám đốc:** Là người đại diện cho công ty. Quản lý điều hành mọi hoạt động chung của công ty, ngoài ra giám đốc còn điều hành trực tiếp đối với phòng kế toán và phòng tổ chức hành chính.

- **Phó giám đốc:** Là người giúp việc cho giám đốc, thay mặt giám đốc điều hành những công việc do giám đốc giao phó.

- **Phòng kinh doanh:** Do phó giám đốc kinh doanh trực tiếp làm trưởng phòng và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty về hàng mua và hàng bán, giao các kế hoạch sản xuất sản phẩm cho các phân xưởng, quản lý hệ thống kho hàng, lập các kế hoạch mua bán hàng hóa.

- **Phòng kế toán:** Đảm nhiệm chức năng hạch toán kế toán, tạo nguồn vốn kinh doanh, giúp giám đốc thấy rõ mọi hoạt động kinh tế của công ty, trên cơ sở đó giúp giám đốc phân tích hoạt động kinh tế.

- **Phòng tổ chức:** Có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về vấn đề nhân sự.

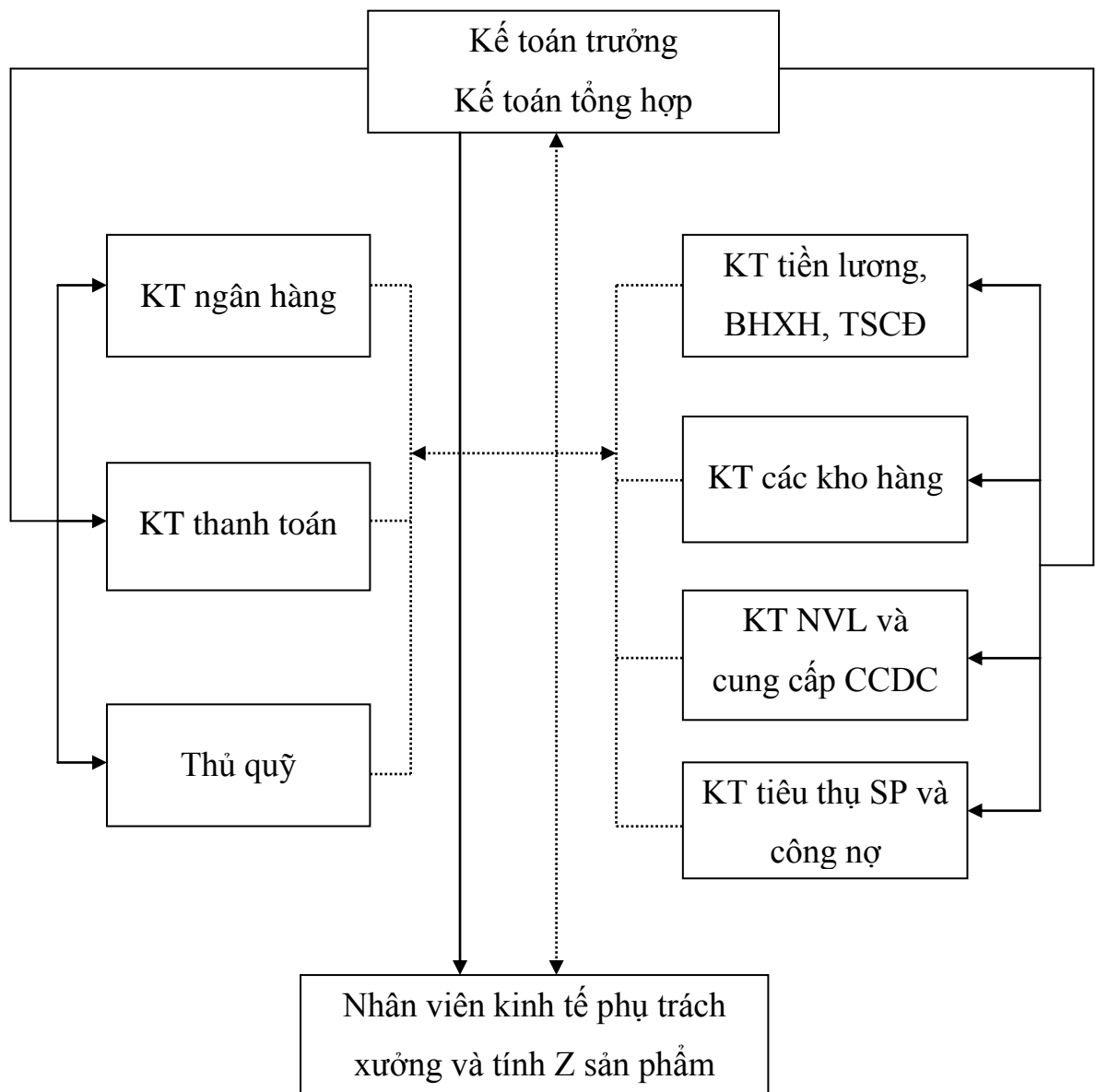
- **Phòng kỹ thuật kiểm nghiệm:** Có nhiệm vụ kiểm tra giám sát, sau đó kiểm nghiệm đối với tất cả các mặt hàng kể cả hàng tự sản xuất lẫn hàng mua về, đảm bảo đúng chất lượng theo tiêu chuẩn dược điển Việt Nam quy định. Đồng thời nghiên cứu ra các mặt hàng mới, mẫu mã mới...

#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

- Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý, xuất phát từ điều kiện và trình độ quản lý, công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Phòng kế toán được đặt dưới sự lãnh đạo của kế toán trưởng. Để đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, đảm bảo chuyên môn hóa lao động của nhân viên kế toán, bộ phận kế toán sản xuất kinh doanh của công ty được tổ chức theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.4: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty Dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng**



Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo                      —————>  
Quan hệ cung cấp                      <----->

Hiện nay phòng kế toán của công ty có 10 nhân viên kế toán, được chia thành các nhóm, các tổ. Mỗi tổ, bộ phận đều có chức năng nhiệm vụ riêng nhưng giữa các bộ phận có mối quan hệ khăng khít với nhau, hỗ trợ cho nhau giúp cho cả bộ máy kế toán hoạt động đều đặn, phục vụ kịp thời cho công tác quản lý của công ty. Cụ thể nhiệm vụ của từng kế toán viên như sau:

- **Kế toán trưởng:** Phụ trách công việc chung của cả phòng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc. Tổng hợp từ các bảng kê, nhật ký lên sổ cái, hàng quý, hàng tháng, hàng năm lên báo cáo quyết toán.

- **Kế toán các kho hàng:** Vì nhiệm vụ của công ty buôn bán là chủ yếu do vậy mà nguyên vật liệu chính khi tiêu thụ, khi dùng vào sản xuất tùy từng đối tượng sử dụng mà hạch toán cụ thể vào các sổ chi tiết, nhật ký chung, sổ cái.

- **Kế toán TSCĐ, tiền lương, BHXH:** Hàng tháng có nhiệm vụ phân bổ cho các đối tượng sử dụng, vào sổ khấu hao TSCĐ, vào nhật ký chung, sổ cái cho phù hợp.

- **Kế toán thanh toán:** Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, các hóa đơn nhập hàng, hóa đơn bán hàng để viết phiếu thu, phiếu chi, cuối tháng cộng số trên nhật ký bán hàng và sổ chi tiết khách hàng, nhà cung cấp.

- **Kế toán ngân hàng:** Hàng ngày có nhiệm vụ giao dịch với các ngân hàng, cụ thể là ngân hàng Công Thương, Ngoại Thương.....

- **Thủ quỹ:** Làm nhiệm vụ thu chi tiền khi có phiếu thu, phiếu chi. Ngoài ra còn phải đi ngân hàng để nộp tiền và rút tiền.

- **Kế toán tiêu thụ sản phẩm và theo dõi công nợ:** Căn cứ vào các chứng từ gốc và các hóa đơn nhập, xuất bán, kế toán có nhiệm vụ theo dõi chi tiết các công nợ đối với từng khách hàng tránh sự nhầm lẫn.

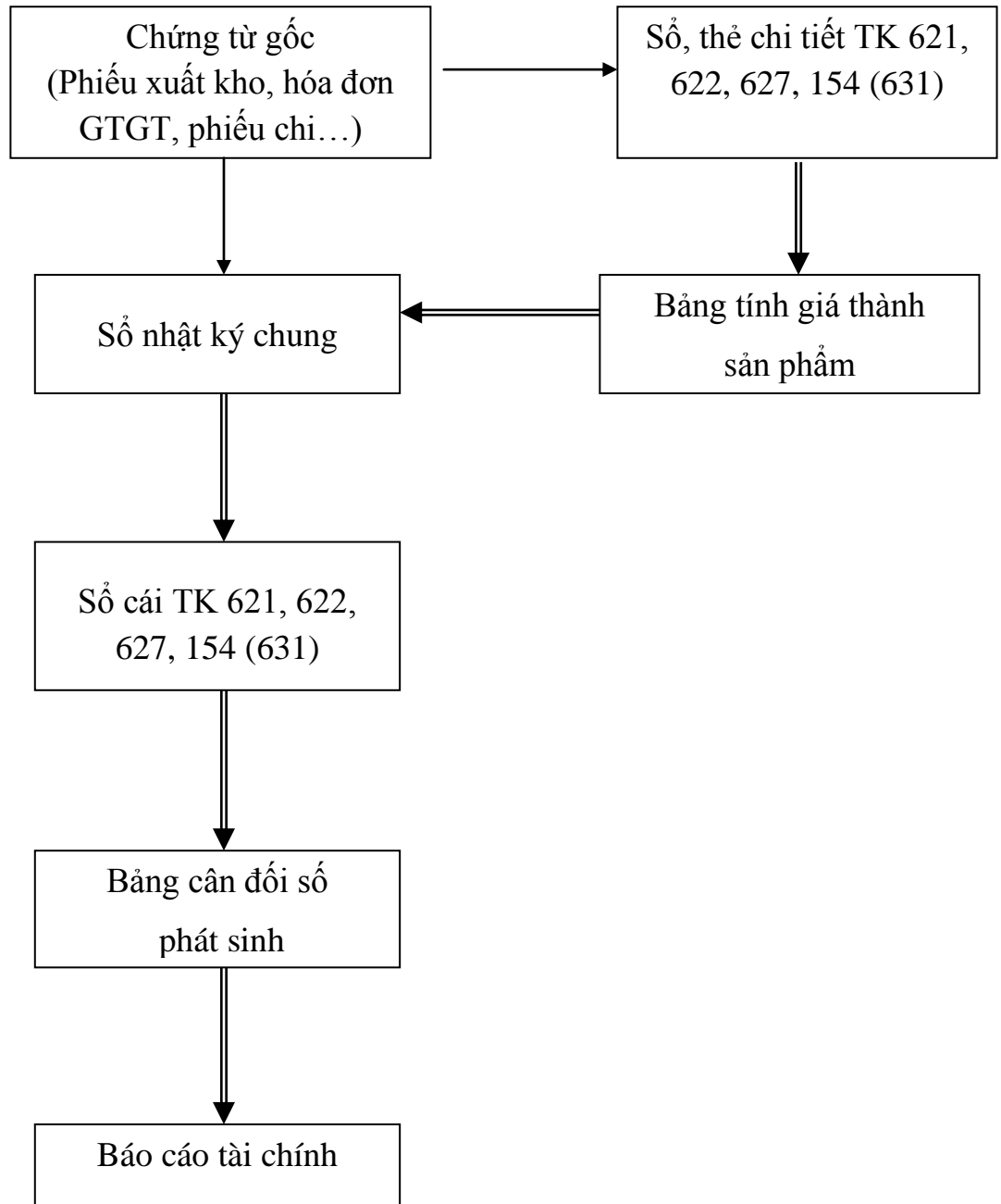
- Ngoài các nhân viên của các bộ phận ra còn có các nhân viên kinh tế phụ trách các phân xưởng trực thuộc phòng tài vụ. Các nhân viên này có nhiệm vụ trực tiếp tập hợp mọi chi phí phát sinh của phân xưởng, đồng thời chịu trách nhiệm tính giá thành công xưởng đối với từng loại sản phẩm.

***Chính sách kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.***

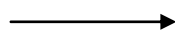
- Hiện nay công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng kế toán áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng: Công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính và nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Tính giá xuất kho theo thực tế đích danh.
- Tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

**Sơ đồ 2.5:**

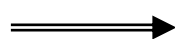
**Sơ đồ trình tự kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm  
theo hình thức Nhật ký chung tại  
công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng**



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

### **2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, công ty phải bỏ ra nhiều loại chi phí khác nhau như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhiên liệu, tiền lương, khấu hao TSCĐ, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị,.... Công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh trực tiếp vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và tập hợp chi phí cho toàn doanh nghiệp. Tuy nhiên, căn cứ vào đặc điểm, công dụng của chi phí trong sản xuất sản phẩm của công ty, căn cứ vào đặc điểm sản xuất sản phẩm và căn cứ vào phương pháp tính giá thành, toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong tháng được chia ra làm các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí nguyên vật liệu có liên quan trực tiếp đến đối tượng chịu phí, nó tham gia cấu thành nên thực thể sản phẩm, tạo ra đặc trưng vật lý cho sản phẩm như: Vitamin B6, tinh bột sắn....

- Chi phí nhân công trực tiếp:

Chi phí nhân công trực tiếp là số tiền phải trả, phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

Tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng, chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương.

- Chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung là tất cả các chi phí cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất nhưng chưa được xếp vào hai loại phí kể trên.

Tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư thiết bị y tế Hải Phòng, chi phí sản xuất chung bao gồm các chi phí về vật liệu và dụng cụ như: cùn, nước cất, thìa thiếc..., chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài như: điện, nước....



## **2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

### **2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

Xác định đối tượng kế toán hạch toán chi phí sản xuất là khâu đặc biệt quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất của sản phẩm. Việc xác định đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là cơ sở để hạch toán chi phí sản xuất một cách đúng đắn.

Quy trình công nghệ sản xuất ở công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng là quy trình công nghệ sản xuất giản đơn, tổ chức sản xuất chuyên môn hóa theo sản phẩm. Công ty đã có 2 phân xưởng sản xuất chính, mỗi phân xưởng có nhiệm vụ sản xuất một loại sản phẩm nhất định cụ thể là: ở phân xưởng đông dược chuyên sản xuất ra các loại rượu thuốc, ở phân xưởng thuốc viên chuyên sản xuất các loại thuốc viên. Các phân xưởng này hoàn toàn độc lập với nhau và có quy trình công nghệ để sản xuất mỗi loại sản phẩm ở từng phân xưởng là khác nhau. Căn cứ vào đặc thù riêng đó mà đối tượng kế toán hạch toán chi phí sản xuất ở công ty là hạch toán theo từng phân xưởng sản xuất.

### **2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành tại công ty cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

Công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng là công ty sản xuất dược liệu. Do đặc điểm kỹ thuật, quy trình công nghệ sản xuất là kiểu chế biến liên tục, gồm nhiều giai đoạn công nghệ kế tiếp nhau, kết thúc mỗi giai đoạn sản xuất không cho ra bán thành phẩm nhập kho hoặc bán ra ngoài. Vì vậy, đối tượng tính giá thành sản phẩm của công ty là sản phẩm hoàn thành ở bước công nghệ cuối cùng của từng mặt hàng ở từng phân xưởng sản xuất. Cụ thể:

Phân xưởng thuốc viên: Đối tượng tính giá thành là từng viên, từng vỉ thuốc, lọ thuốc.

Phân xưởng Đông dược: Đối tượng tính giá thành là chai, lọ, hộp,...

### 2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm.

- **Kỳ tính giá thành**

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Mỗi đối tượng tính giá thành căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm và chu kỳ sản xuất của sản phẩm để xác định. Do đặc điểm tổ chức sản xuất của công ty là sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn, liên tục do vậy kỳ tính giá thành trong từng phân xưởng của công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng là vào thời điểm cuối tháng.

- **Phương pháp tính giá thành**

Xuất phát từ mối quan hệ giữa đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng phân xưởng và đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành của từng quy trình sản xuất. Do đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất ở các phân xưởng là sản xuất giản đơn, khép kín, sản xuất với khối lượng nhiều, chu kỳ sản xuất ngắn và xen kẽ liên tục, đối tượng tính giá thành tương ứng phù hợp với đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, kỳ tính giá thành phù hợp với kỳ báo cáo. Do vậy, công ty áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn.

Theo phương pháp này, kế toán căn cứ trực tiếp vào chi phí sản xuất đã tập hợp được trong kỳ và giá trị sản phẩm làm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ để tính giá thành sản phẩm hoàn thành tính cho từng khoản mục theo công thức sau:

$$Z = D_{dk} + C - D_{ck}$$

Giá thành đơn vị được tính như sau:

$$z = \frac{Z}{S}$$

Trong đó:

Z: Tổng giá thành từng đối tượng tính giá thành.

z: Giá thành đơn vị từng đối tượng tính giá thành.

C: Tổng chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ.

$D_{dk}$ : Chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ.

$D_{ck}$ : Chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ.

S: Khối lượng sản phẩm hoàn thành.

## **2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

### **2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

Trong công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng mỗi phân xưởng có nhiệm vụ sản xuất khác nhau, vì thế các nguyên vật liệu sử dụng trong các phân xưởng sản xuất cũng khác nhau. Để quản lý và bảo quản tốt các loại nguyên vật liệu đáp ứng một cách nhanh chóng, kịp thời và đầy đủ cho các đối tượng sử dụng, nguyên vật liệu được quản lý theo các kho riêng và được phân loại theo mục đích công dụng của chúng.

Nguyên liệu trong các kho của công ty bao gồm nhiều chủng loại khác nhau và chi phí NVL chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Chi phí NVL phát sinh chủ yếu phục vụ cho sản xuất sản phẩm. Do đặc thù của ngành dược cần có sự chính xác cao, vì vậy trước khi tiến hành sản xuất mặt hàng bao giờ công ty cũng tiến hành lập định mức chi phí về nguyên vật liệu cho sản phẩm đó, nhằm đảm bảo tính hợp lý theo quy định của ngành, đồng thời cũng tránh được lãng phí NVL trong quá trình sản xuất. Vì vậy, trên phiếu xuất kho, vật liệu được ghi cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và theo phân xưởng.

#### **❖ Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng**

##### **• Tài khoản sử dụng:**

Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng TK 621 – “chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp”. Tài khoản này dùng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu phát sinh trong tháng cho việc sản xuất sản phẩm và được mở chi tiết cho từng phân xưởng:

TK 6211 – CPNVLT ở phân xưởng đông dược

TK 6212 – CPNVLT ở phân xưởng thuốc viên

Đối với nguyên vật liệu, công ty phản ánh ở TK 152 – “Nguyên liệu, vật liệu”. Để hạch toán chi tiết theo vai trò và tác dụng của vật liệu trong sản xuất, kết toán phân chia vật liệu theo các loại sau:

TK 1521 – NVL chính

TK 1524 – Phụ tùng

TK 1522 – NVL phụ

TK 1528 – Vật liệu khác

TK 1523 – Nhiên liệu

❖ **Chứng từ và sổ sách sử dụng:** Sổ chi tiết nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621, Nhật ký chung, Sổ cái TK 621

❖ **Ví dụ:**

- Ngày 07/01/2012, căn cứ theo kế hoạch sản xuất do phòng kinh doanh lập đã được Phó Giám đốc kinh doanh ký duyệt, xuất Vitamin B6 để sản xuất Magnesi B6

- Trị giá nguyên vật liệu xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kế toán viết phiếu xuất kho đưa Vitamin B6 vào sản xuất (Biểu 2.1).

**Biểu 2.1: Phiếu xuất kho số 14/01**

Đơn vị: cổ phần HP Phamar

**Mẫu số 02 – VT**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 07 tháng 01 năm 2012

Nợ: 6212

Số: 14/01

Có: 1521

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Việt Dũng

Địa chỉ: xưởng viên

Lý do xuất kho: sản xuất Magnesi – B6

Xuất tại kho: kho Nguyệt

T T	Tên nhãn hiệu, vật tư, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Magnesi laclat dihydrat		Kg	125	125	131.750	16.468.750
2	<b>Vitamin B6</b>		<b>Kg</b>	<b>73,75</b>	<b>73,75</b>	<b>129.500</b>	<b>9.550.625</b>
3	....						
	Cộng						52.038.750

- Tổng số tiền (bằng chữ): năm mươi hai triệu không trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng./

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Xuất, ngày 07 tháng 01 năm 2012

Người lập  
phiếu

Người nhận  
hàng

Thủ kho

Kế toán  
trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký tên, đóng dấu)

Từ phiếu xuất nguyên vật liệu Vitamin B6 (biểu 2.1), kế toán ghi sổ chi tiết nguyên liệu chính (biểu 2.2)

**Biểu 2.2: Trích sổ chi tiết nguyên vật liệu chính**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

**Mẫu số S10 – DN**

(Ban hành theo quyết số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tháng 01 năm 2012

Tài khoản: 1521 Tên kho: Kho nguyệt

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Vitamin B6

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ		129.500				105	13.597.500	
				127.300				150	19.095.000	
<b>PXK14/01</b>	<b>07/01</b>	<b>Xuất phục vụ sản xuất Magnesi B6</b>	<b>6212</b>	<b>129.500</b>			<b>73,75</b>	<b>9.550.625</b>	<b>31,25</b>	<b>4.046.875</b>
				127.300				150	19.095.000	
		.....				.....		.....		.....
PNK21/01	12/01	Nhập kho Vitamin B6	1521	127.700	100	12.770.000			100	12.770.000
						.....		.....		.....
		Cộng phát sinh				45.247.500		37.276.760		
		Dư cuối kỳ		130.000				150	19.500.000	

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu  
(ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Biểu 2.3: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

**Mẫu số S36-DN**  
(Ban hành theo quyết số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 6212)

Tên phân xưởng: Phân xưởng thuốc viên

Tên sản phẩm, dịch vụ: Magnesi B6

Tháng 01 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra	
SH	NT			Nợ	Có	Vật liệu chính	Vật liệu phụ
PXK14/01	07/01	Xuất Magnesi lacnat dihydrat	1521	16.468.750		16.468.750	
	07/01	Xuất Vitamin B6	1521	9.550.625		9.550.625	
PXK17/01	07/01	Xuất màng nhôm	1522	5.360.398			5.360.398
....	....	.....		.....		.....	.....
PKT	31/01	Kết chuyển chi phí NVLTT	154		103.701.145		
		Cộng phát sinh tháng		103.701.145	103.701.145	89.190.814	14.510.331

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

( Trích nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Pharmar )

Khóa luận tốt nghiệp

Từ phiếu xuất kho (biểu 2.1) kê toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.4)

**Biểu số 2.4: Trích nhật ký chung**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo quyết số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
.....	.....	....	.....		.....		
07/01	PXK 14/01	07/01	Xuất kho Vitamin B6 sản xuất Magnesi B6		6212 1521	9.550.000	9.550.000
	PXK 17/01	07/01	Xuất màng nhôm sản xuất Magnesi B6		6212 1522	5.360.398	5.360.398
.....	.....	....	.....		.....	.....	.....
14/01	PC 12/01	14/01	Thanh toán tiền vận chuyển hàng		641 133 111	1.568.267 156.827	1.725.094
15/01	GBN 03	15/01	Thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp		331 112	20.000.000	20.000.000
...		.....	.....		.....	.....	.....
			Cộng chuyển trang			202.440.779	202.440.779

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

( Trích nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Pharma )



**Biểu 2.5: Trích sổ cái TK 621**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo quyết số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

( Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 01 năm 2012

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Phát sinh tháng 01			
			.....	.....	.....	.....
07/01	PXK 14/01	07/01	Xuất Vitamin B6 sản xuất Magnesi B6	152	9.550.625	
	PXK 17/01	07/01	Xuất màng nhôm sản xuất Magnesi B6	152	5.360.398	
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....
31/01	PKT	31/01	Kết chuyển chi phí NVLTT	154		812.053.911
			Cộng phát sinh		812.053.911	812.053.911
			Dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Pharmar

#### 2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản liên quan đến bộ phận lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm như tiền lương, phụ cấp, các khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ). Nếu chi phí nhân công trực tiếp của riêng từng loại sản phẩm thì tập hợp theo từng loại sản phẩm. Nếu chi phí đó liên quan đến nhiều loại sản phẩm thì phải tập hợp chi phí và phân bổ cho từng đối tượng tính giá để tính giá thành sản phẩm.

- **Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng:**

- Tài khoản sử dụng: Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622 – “Chi phí nhân công trực tiếp”

- Chứng từ, sổ sách sử dụng: Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH, bảng chấm công, đơn giá lương sản phẩm

- **Quy trình hạch toán**

Tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng, công nhân trực tiếp sản xuất được trả lương theo sản phẩm, đơn giá lương được xây dựng hợp lý cho từng loại sản phẩm. Khi tính lương cho công nhân, kế toán căn cứ phiếu giao nhận sản phẩm và đơn giá tiền lương của loại sản phẩm đó lập thành bảng thanh toán lương cho công nhân phân xưởng

Việc trả lương cho công nhân viên trực tiếp sản xuất sản phẩm được công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm với cách tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương của} \\ \text{CNTT sản xuất} \\ \text{trong tháng} \end{array} = \sum \begin{array}{l} \text{Đơn giá tiền lương} \\ \text{theo sp } i \text{ sản xuất} \\ \text{trong tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Khối lượng sp } i \text{ sản} \\ \text{xuất hoàn thành} \\ \text{trong tháng} \end{array}$$

Trong đó:  $i$  là loại sản phẩm mà phân xưởng tiến hành sản xuất trong tháng.

Ngoài tiền lương, người lao động còn nhận thêm khoản phụ cấp khác: Phụ cấp trách nhiệm (với người làm công tác quản lý), phụ cấp độc hại, phụ cấp làm thêm giờ....

Căn cứ trích các khoản trích theo lương cơ bản theo quy định:

Các khoản trích được tính theo tỷ lệ như sau:

**Biểu 2.6: Bảng các khoản trích theo lương**

Khoản mục	Trừ vào chi phí	Trừ vào lương NLD
1. BHXH	17%	7%
2. BHYT	3%	1,5%
3. BHTN	1%	1%
4. KPCĐ	2%	0%
<b>Cộng</b>	<b>23%</b>	<b>9,5%</b>

Hàng ngày, tổ trưởng các phân xưởng theo dõi tình hình làm việc của từng công nhân qua bảng chấm công và theo dõi số sản phẩm hoàn thành nhập kho, sau đó lập báo cáo gửi về phòng kế toán, kế toán căn cứ vào đơn giá tiền lương đã được duyệt tính lương theo sản phẩm cho công nhân.

Từ đơn giá lương sản phẩm được duyệt và sản lượng từng loại sản phẩm được sản xuất trong tháng, kế toán lập bảng thanh toán lương sản phẩm. Căn cứ vào bảng chấm công tại từng bộ phận và bảng thanh toán lương sản phẩm tháng, kế toán tiến hành tính lương và lập bảng tính lương bộ phận. Căn cứ vào bảng thanh toán lương sản phẩm và bảng lương bộ phận phân xưởng kế toán tiến hành lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh tiến hành vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 622

**Ví dụ:** Trong tháng 1 năm 2012, xưởng thuốc viên sản xuất Magnesi – B6 có các số liệu như sau:

Số lượng sản phẩm hoàn thành trong tháng: 1.019.700 viên

Đơn giá lương cho một viên Magnesi – B6: 6,9 đồng

Vậy tiền lương tính cho sản phẩm Magnesi – B6 là:

$$1.019.700 \times 6,9 = 7.035.930 \text{ đồng}$$

- Tổng lương sản phẩm xưởng thuốc viên: 57.480.576 đồng
- Tổng số công sản xuất là 560 công.
- Đơn giá lương một công là:  $57.480.576/560 = 102.644đ$ .
- Lương công nhân Nguyễn Thị Thu là:  $102.644 \times 24 = 2.463.453$
- Lương các công nhân khác tính tương tự.

**Biểu 2.7: Trích bảng đơn giá lương sản phẩm**

**Đơn vị:** cổ phần HP Phamar

**Bộ phận:** xưởng viên

**TRÍCH ĐƠN GIÁ LƯƠNG SẢN PHẨM**

**Tháng 01/2012**

<b>T T</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Quy cách đóng gói</b>	<b>Định mức công/ triệu viên</b>	<b>Đơn giá/ 1 viên</b>
1	Magnesi B6	1k x 800 vỉ x 10 viên	149	6,9
2	Vitamin 3B	Vỉ 10 viên	45	3
3	Paracetamol 500mg	1k x 2000 vỉ x 10 viên	47	3,2
4	Vitamin B1 10g	1k x 10 lọ x 100 viên	55	0,46
5	Vitamin C 500mg	1k x 1620 vỉ x 10 viên	75	4
6	Mediphylamin 500mg	1k x 42 hộp x 10 vỉ x 10 viên	114	9,2
7	Analgin 500mg	1k x 1440 vỉ x 10 viên	68	4
	.....			

*(Trích nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty Cổ phần HP Phamar)*

**Biểu 2.8: Bảng chấm công tại xưởng Thuốc viên**

**Đơn vị:** cổ phần HP Pharmar

**Bộ phận:** xưởng viên

**BẢNG CHẤM CÔNG**

**Bộ phận sản xuất**

Tháng 01 năm 2012

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày trong tháng													Số công
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	...	30	31	
1	Nguyễn Thị Thu	Công nhân	/	+	+	+	+	-	+	/	+	+		+	+	24
2	Phạm Hà Giang	Công nhân	/	+	+	+	+	+	+	/	+	-		+	+	22
3	Lê Thu Cúc	Công nhân	/	+	+	+	+	+	+	/	+	+		+	+	23
4	Lương Thị Hảo	Công nhân	/	+	+	+	-	+	-	/	+	+		+	+	22
5	Ngô Văn Hà	Công nhân	/	+	+	+	+	+	+	/	+	+		+	+	24
6	Phạm Bá Hải	Công nhân	/	+	+	+	+	+	+	/	+	-		+	+	22
7	Lê Thị Vân	Công nhân	/	-	+	+	+	+	+	/	+	+		+	+	23
	.....	.....	/							/						.....
	Cộng		/	22	24	25	23	22	22	/	19	22		22	21	560

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

**Người chấm công**

(Ký, họ tên)

**Phụ trách bộ phận**

(Ký, họ tên)

**Người duyệt**

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.9: Bảng thanh toán lương sản phẩm tháng 01/2012**

**Đơn vị:** cổ phần HP Pharmar

**Bộ phận:** phòng kế toán

**TRÍCH BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG SẢN PHẨM THÁNG  
01/2012  
Xưởng thuốc viên**

<b>TT</b>	<b>TÊN THÀNH PHẨM</b>	<b>ĐV</b>	<b>SỐ LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (Đ)</b>	<b>THÀNH TIỀN (Đ)</b>
1	Magnesi B6	viên	1.019.700	6,90	7.035.930
2	Vitamin 3B	-	793.400	3,00	2.380.200
3	Paracetamol 500mg	-	497.600	3,20	1.592.320
4	Vitamin B1 10g	-	6.015.400	0,46	2.767.084
5	Vitamin C 500mg	-	487.500	4,00	1.950.000
6	Analgin 500mg	-	463.600	9,20	4.265.120
7	Tetracyclin 250mg	-	291.200	5,70	1.659.840
..	.....		.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>				<b>57.480.576</b>

*Ngày 31 tháng 01 năm 2012*

**Ký duyệt**  
*(ký, họ tên)*

**Người lập biểu**  
*(ký, họ tên)*

## Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ vào bảng thanh toán lương sản phẩm do phân xưởng thuốc viên lập (biểu 2.9), căn cứ vào bảng chấm công (biểu 2.8) kế toán tiến hành ghi vào cột “chi phí nhân công trực tiếp” tương ứng của từng sản phẩm (biểu 2.10), như sau:

**Biểu 2.10: Bảng phân bổ lương xưởng viên**

### BẢNG LƯƠNG XUỞNG THUỐC VIÊN

Tháng 01/ 2012

T T	Họ tên	Lương sản phẩm	Phụ cấp	Tổng lương	Lương đóng bảo hiểm	Khoản trích vào chi phí					Khoản trích vào lương			
						BHXX (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	Cộng	BHXX (7%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng
1	Nguyễn Thị Thu	2.463.453	540.000	3.003.453	2.140.000	418.787	73.904	24.635	60.069	557.394	172.442	36.952	24.635	234.028
2	Phạm Hà Giang	2.258.168	500.000	2.758.168	2.140.000	383.889	67.745	22.582	55.163	529.378	159.962	33.873	22.582	214.556
3	Lê Thu Cúc	2.360.812	520.000	2.880.812	2.140.000	401.338	70.824	23.608	57.616	553.387	165.257	35.412	23.608	224.277
4	Lương Thị Hào	2.258.168	500.000	2.758.168	2.140.000	383.889	67.745	22.582	55.163	529.378	158.072	33.873	22.582	214.556
5	Ngô Văn Hà	2.463.453	540.000	3.003.453	2.140.000	418.787	73.904	24.635	60.069	577.394	172.442	36.952	24.635	234.028
6	Phạm Bá Hải	2.258.168	500.000	2.758.168	2.140.000	383.889	67.745	22.582	55.163	529.378	172.442	33.873	22.582	214.556
7	Lê Thị Vân	2.360.812	520.000	2.880.812	2.140.000	401.338	70.824	23.608	57.616	553.387	165.257	35.412	23.608	224.277
	...	.....				....	.....	.....	.....	.....	....	.....	....	.....
	Cộng	<b>57.480.576</b>	<b>11.200.000</b>	<b>68.680.576</b>	<b>53.500.000</b>	<b>9.771.698</b>	<b>1.724.417</b>	<b>574.806</b>	<b>1.373.612</b>	<b>13.444.533</b>	<b>4.203.640</b>	<b>862.209</b>	<b>574.806</b>	<b>5.460.655</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán tổng hợp**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty cổ phần HP Phamar)

**Biểu 2.11 Trích Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

**TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BHXH**

Tháng 01 năm 2012

Đối tượng	Có TK 334	Ghi có TK 338 – Tính vào chi phí					Ghi có TK 338 – Trừ vào lương				Cộng có TK 338
		TK 3383 (17%)	TK 3384 (3%)	TK 3389 (1%)	TK 3382 (2%)	Cộng (23%)	TK 3383 (7%)	TK 3384 (1,5%)	TK 3389 (1%)	Cộng (9,5%)	
1. X. Thuốc viên	68.680.576	9.771.698	1.724.417	574.806	1.373.612	13.444.533					13.444.533
2. X. Đông dược	33.489.809	4.764.845	840.855	280.285	669.798	6.726.840					6.726.840
<b>Cộng TK 622</b>	<b>102.170.385</b>	<b>14.536.543</b>	<b>2.565.272</b>	<b>855.091</b>	<b>2.043.410</b>	<b>19.947.373</b>					<b>19.947.373</b>
3.QLPX (TK 627)	23.610.443	3.359.370	592.830	197.610	472.209	4.742.640					4.742.640
4.QLDN (TK 642)	97.435.766	13.256.105	2.339.313	779.771	1.948.715	17.934.733					17.934.733
5.Bán hàng (TK 641)	6.872.590	941.493	165.969	55.323	137.452	1.272.492					1.272.492
TK 334							13.214.565	2.831.693	1.887.795	17.934.053	17.934.053
<b>Cộng</b>	<b>230.089.184</b>	<b>32.093.511</b>	<b>5.663.384</b>	<b>1.887.795</b>	<b>3.168.560</b>	<b>38.022.720</b>	<b>13.214.565</b>	<b>2.831.693</b>	<b>1.887.795</b>	<b>17.934.053</b>	<b>55.956.773</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán tổng hợp**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

( Trích nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Pharmar )



Căn cứ vào bảng thanh toán lương sản phẩm (biểu 2.9) và bảng lương xưởng thuốc viên (biểu 2.10), kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 2.12)

**Biểu 2.12: sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo quyết số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp (TK 622)

Tên phân xưởng: Phân xưởng thuốc viên

Tên sản phẩm, dịch vụ: Magnesi B6

Tháng 01 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Chia ra	
SH	NT			Nợ	Có	Lương	Trích lương
PKT	31/01	Tính ra lương phải trả CNSX	334	8.406.870		8.406.870	
PKT	31/01	Trích KPCĐ tính vào chi phí của CNSX	3382	168.137			168.137
PKT	31/01	Trích BHXH tính vào chi phí của CNSX	3383	1.196.108			1.196.108
PKT	31/01	Trích BHYT tính vào chi phí của CNSX	3384	211.078			211.078
PKT	31/01	Trích BHTN tính vào chi phí của CNSX	3389	70.359			70.359
PKT	31/01	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154		10.052.552		
		<b>Cộng phát sinh tháng</b>		<b>10.052.552</b>	<b>10.052.552</b>	<b>8.406.870</b>	<b>1.645.682</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

( Trích nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Pharmar )

Khóa luận tốt nghiệp

Từ bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH (biểu 2.11) kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.13)

**Biểu số 2.13: Nhật ký chung**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

**Mẫu số S03a – DN**

(Ban hành theo quyết số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
.....	.....	...	.....		.....		
07/01	PXK 14/01	07/01	Xuất kho Vitamin B6 sản xuất Magnesi B6		6212 1521	9.550.000	9.550.000
	PXK 17/01	07/01	Xuất màng nhôm sản xuất Magnesi B6		6212 1522	5.360.398	5.360.398
.....	.....	.....	.....		.....	.....	.....
<b>31/01</b>	<b>BL 01</b>	<b>31/01</b>	<b>Tính lương phải trả công nhân TTSX</b>		<b>622 334</b>	<b>102.170.385</b>	<b>102.170.385</b>
<b>31/01</b>	<b>BL 01</b>	<b>31/01</b>	<b>Các khoản trích cho công nhân TTSX</b>		<b>622 338</b>	<b>19.947.373</b>	<b>19.947.373</b>
...		.....	.....		.....	.....	.....
			Cộng chuyển trang			403.107.254	403.107.254

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

( Trích nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Pharma )

**Biểu 2.14: Sổ cái TK 622**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo quyết số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

( Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 01 năm 2012

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 622

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Phát sinh tháng 01			
			.....	.....	.....	.....
31/01	BL01	31/01	Tính lương phải trả công nhân TTSX	334	102.170.385	
31/01	BL01	31/01	Các khoản trích cho công nhân TTSX	338	19.947.373	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/01	PKT	31/01	Kết chuyển chi phí NCTT	154		122.117.785
			Cộng phát sinh		122.117.785	122.117.785
			Dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Pharmar

---

### **2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần thiết còn lại để sản xuất sản phẩm sau chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Đây là những chi phí liên quan đến phục vụ sản xuất trong phạm vi các phân xưởng như lương nhân viên quản lý phân xưởng, giá trị CCDC, khấu hao máy móc thiết bị nhà xưởng.... Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng bộ phận sản xuất. Trước khi tính giá thành phải phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng đối tượng tính giá thành.

- Chứng từ sử dụng: Bảng thanh toán lương nhân viên quản lý phân xưởng, bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, bảng phân bổ công cụ dụng cụ...

- Tài khoản sử dụng: TK 627 “ Chi phí sản xuất chung”. TK 627 không có số dư.

- Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết 627, nhật ký chung, Sổ cái TK 627.

Chi phí sản xuất chung phát sinh ở công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng phát sinh tại phân xưởng nào thì sẽ được tập hợp tại phân xưởng đó và được phân bổ theo một tiêu thức nhất định cho các đối tượng tập hợp chi phí không phân biệt đã hoàn thành hay chưa. Tại công ty, chi phí sản xuất chung được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

TK 627 gồm các tiểu khoản:

- TK 6271 - Chi phí nhân viên phân xưởng
- TK 6273 - Chi phí công cụ dụng cụ dùng cho phân xưởng
- TK 6274 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

#### ***a. Chi phí nhân viên phân xưởng (TK 6271)***

Theo chế độ kế toán hiện hành, tại công ty chi phí nhân viên phân xưởng gồm tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của nhân viên phân xưởng. Đối với nhân viên quản lý phân xưởng được trả lương theo hợp đồng, các khoản trích theo

lương gồm 9,5% trừ vào lương và 23% tính vào chi phí: BHXH (17%), BHYT(3%), BHTN (1%), KPCĐ (2%) tính trên lương cơ bản chung theo quy định.

Căn cứ vào bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH (biểu 2.10), kế toán ghi sổ cái TK 627.

***b. Chi phí công cụ dụng cụ dùng cho phân xưởng (TK 6273)***

Chi phí dụng cụ phục vụ cho sản xuất chung tại phân xưởng gồm các thiết bị máy móc không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định như cân, khay, bao bì, bàn inox... với những CCDC có giá trị nhỏ có thể phân bổ hết 1 lần vào chi phí, còn CCDC có giá trị lớn thì tập hợp vào TK 142 “ chi phí trả trước ngắn hạn”, phân bổ trong vòng 1 năm hoặc TK 242 “ Chi phí trả trước dài hạn”, phân bổ trong nhiều năm.

**Ví dụ:**

- Ngày 02/01 xuất kho bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất tại xưởng thuốc viên theo phiếu xuất 05/01.
- Ngày 02/01 Mua xuất thẳng khay nhôm chia thuốc theo hóa đơn giá trị gia tăng số

**Biểu 2.15: Phiếu xuất 05/01**

Đơn vị: cổ phần HP Phamar

**Mẫu số 02 – VT**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 07 tháng 01 năm 2012

Nợ: 6212

Số: 14/01

Có: 153

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Việt Dũng

Địa chỉ: xưởng viên

Lý do xuất kho: Phục vụ sản xuất

Xuất tại kho: kho Nam

S T T	Tên nhãn hiệu, vật tư, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	<b>Gang tay</b>		<b>đôi</b>	<b>25</b>	<b>25</b>	<b>53.000</b>	<b>1.325.000</b>
2	Mũ bảo hộ		cái	25	25	1.200	30.000
3	....					.....	.....
	<b>Cộng</b>						<b>5.202.500</b>

- Tổng số tiền (bằng chữ): năm triệu hai trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng./

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

*Xuất, ngày 02 tháng 01 năm 2012*

Người lập  
phiếu

Người nhận  
hàng

Thủ kho

Kế toán  
trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Phamar)

**Biểu 2.16: Hóa đơn giá trị gia tăng**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 05 tháng 01 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: QE/2012B

Số: 0048356

Đơn vị bán hàng: *CÔNG TY TNHH ANH TUẤN*.....

Mã số thuế: 0200735749 .....

Địa chỉ: 34B Tôn Đức Thắng – An Đông – An Dương – Hải Phòng.....

Số tài khoản: .....

Điện thoại: .....

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.....

Địa chỉ: Số 20 – Phạm Tử Nghi – Lê Chân – Hải Phòng .....

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán: ..... TM ..... mã số thuế: 0201037289 .....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1.	Khay đếm thuốc	cái	10	30.000	300.000
2.	Khay đựng dụng cụ	cái	5	60.000	300.000
Cộng tiền hàng:					600.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	60.000
Tổng cộng thanh toán:					660.000
Số tiền bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng./					

**Người mua hàng**

(Đã ký)

**Người bán hàng**

(Đã ký)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Phamar)

**c. Chi phí khấu hao tài sản cố định (TK 6274)**

Tài sản cố định tại công ty gồm các nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất.... Mỗi loại tài sản cố định có tính chất và cách sử dụng khác nhau, mỗi nhóm tài sản cố định có tỷ lệ khấu hao khác nhau, do đó để tính được tổng số khấu hao trong kỳ kế toán phải tính khấu hao cho từng nhóm tài sản. Giá trị hao mòn của tài sản cố định được theo dõi và phản ánh qua TK 214 “Khấu hao tài sản cố định”.

Hiện nay, tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Hàng tháng, kế toán trích khấu hao và phân bổ cho các đối tượng tập hợp chi phí: TK 627, TK 642.

$$\text{Mức khấu hao bình quân năm} = \frac{\text{Nguyên giá tài sản cố định}}{\text{Số năm sử dụng}}$$

$$\text{Mức khấu hao bình quân tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao bình quân năm}}{12}$$



**Biểu số 2.17: Trích bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 01/2012**

**TRÍCH BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ**

**Tháng 01/2012**

TT	TK	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Số năm KH	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị HMLK	GTCL đầu kỳ	Khấu hao tháng 01	GTCL cuối kỳ
<b>I. Sử dụng cho xưởng thuốc viên</b>			<b>2.624.374.298</b>			<b>512.074.138</b>	<b>2.112.300.160</b>	<b>14.186.718</b>	<b>2.089.113.442</b>
1.	2113	Xe nâng KOMASU	74.285.700	8	01/08/2007	41.785.686	32.499.992	773.809	31.726.903
2.	2113	Máy trộn dược liệu	178.000.000	8	01/06/2011	14.833.334	163.166.666	1.854.167	161.312.499
3.	2113	Nhà xưởng	1.505.327.273	20	01/07/2007	413.965.002	1.091.362.271	6.272.197	1.085.090.074
		.....	.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>II. Sử dụng cho bộ phận QLDN</b>			<b>352.700.000</b>			<b>15.646.874</b>	<b>337.053.126</b>	<b>7.548.958</b>	<b>329.504.168</b>
11.	2113	Máy lạnh TOSHIBA	52.700.000	8	01/10/2011	1.646.874	51.053.126	548.958	50.504.168
		.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Tổng cộng</b>			<b>3.677.074.298</b>			<b>534.880.179</b>	<b>3.142.194.119</b>	<b>34.733.676</b>	<b>3.107.460.443</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

**Người lập bảng**  
(ký, họ tên)

**Kế toán tổng hợp**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH (biểu 2.11), phiếu xuất công cụ dụng cụ (biểu 2.15), hóa đơn giá trị gia tăng (biểu 2.16), bảng tính và phân bổ khấu hao (biểu 2.17), kế toán vào nhật ký chung (biểu 2.18)

**Biểu số 2.18: Nhật ký chung**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

**Mẫu số S03a – DN**

(Ban hành theo quyết số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
.....	.....	...	.....		...	....	....
31/01	BL 01	31/01	Tính lương phải trả nhân viên QLPX		6271 334	23.017.000	23.017.000
31/01	BL 01	31/01	Các khoản trích cho nhân viên QLPX		6271 338	4.742.640	4.742.640
31/01	PX 14/01	31/01	Xuất ccđc phục vụ sản xuất		6273 153	5.202.500	5.202.500
31/01	0048 356	31/01	Mua ccđc xuất thặng phục vụ sản xuất		6273 133 111	600.000 60.000	660.000
31/01	BKH 01	31/01	Trích khấu hao xưởng thuốc viên		6274 214	14.186.718	14.186.718
31/01	010 4321	31/01	Thanh toán tiền điện phục vụ sản xuất		6277 133 111	10.975.600 1.097.560	12.073.160
...		.....	.....		...	.....	.....
			Cộng chuyển trang			923.016.157	923.016.157

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

( Trích nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Pharma )

**Biểu 2.19: Trích sổ cái TK 627**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo quyết số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

( Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 01 năm 2012

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Phát sinh tháng 01			
			.....	.....	.....	.....
31/01	010 4321	31/01	Thanh toán tiền điện phục vụ sản xuất	111	10.975.600	
31/01	BL 01	31/01	Tính lương phải trả nhân viên QLPX	334	23.017.000	
31/01	BL 01	31/01	Các khoản trích cho nhân viên QLPX	338	4.742.640	
31/01	PX 14/01	31/01	Xuất ccdc phục vụ sản xuất	153	5.202.500	
31/01	00483 56	31/01	Mua ccdc xuất thẳng phục vụ sản xuất	111	600.000	
31/01	BKH 01	31/01	Trích khấu hao xưởng thuốc viên	214	14.186.718	
31/01	PKT	31/01	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154		95.739.886
			Cộng phát sinh		95.739.886	95.739.886
			Dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Pharmar

#### 2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.

##### a. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm còn nằm trong quy trình sản xuất, gia công chế biến, chưa trải qua hết những công đoạn của quy trình công nghệ sản xuất. Ở công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng, sản phẩm dở dang là thuốc pha chế nhưng chưa dập viên, đóng gói hoặc đóng vào chai, lọ. Vì vậy, muốn tính giá thành cho sản phẩm hoàn thành nhập kho trong tháng được chính xác, kế toán phải tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang để xác định chi phí sản xuất mà sản phẩm làm dở cuối kỳ phải chịu.

Để việc xác định giá thành được chính xác và hợp lý đối với sản phẩm hoàn thành trong kỳ, cuối tháng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản xuất của sản phẩm phải tiến hành thống kê và kiểm kê sản lượng làm dở ở mỗi quy trình sản xuất ở các phân xưởng. Căn cứ vào nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh trong kỳ, kế toán tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong loại sản phẩm đó.

Theo phương pháp này, sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, còn các chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cả cho giá thành phẩm chịu.

Công thức:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C_{ps}}{S_{tp} + S_{dd}} \times S_{dd}$$

Trong đó:

$D_{ck}, D_{dk}$ : Là chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

$C_{ps}$ : Là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh.

$S_{tp}$ : Là khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

$S_{dd}$ : Là số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Ví dụ: Trong tháng 1 năm 2012, tại phân xưởng thuốc viên tiến hành sản xuất mặt hàng thuốc Magnesi B6 như sau:

Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang đầu tháng (đã được đánh giá theo CPNVLT) là 1.739.000 đ

Chi phí sản xuất trong tháng đã tập hợp được:

CPNVLT: 103.701.145 đ

CPNCTT: 7.035.930 đ

CPSXC: 12.226.203 đ

Cuối tháng sản xuất hoàn thành nhập kho 1.019.700 viên, còn 14.600 viên làm dở.

Sản phẩm làm dở này được tiến hành đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp như sau:

Chi phí sản xuất Magnesi B6 làm dở cuối kỳ là:

$$\frac{1.739.000 + 103.701.145}{1.019.700 + 14.600} \times 14.600 = 1.488.375 \text{ đ}$$

Sau khi tính được chi phí sản xuất sản phẩm dở dang cuối kỳ của tất cả các sản phẩm của phân xưởng thuốc viên, kế toán lập bảng tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm dở dang cuối kỳ tại phân xưởng thuốc viên như sau:

***Biểu 2.20: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất DD cuối kỳ xưởng Thuốc viên***

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT DỒ DANG CUỐI KỲ  
CỦA PHÂN XƯỞNG THUỐC VIÊN**

*Tháng 01 năm 2012*

STT	Sản phẩm dở dang	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền
1	Magnesi B6	viên	14.600	1.488.375
2	Analgin 500mg	viên	32.540	9.755.200
3	Paracetamol 0,1	Vi	200	1.669.700
4	Vitamin B1 10g	viên	50.500	1.010.000
5	Vitamin C 500mg	viên	15.000	2.250.000
6	Mediphyllamin 500mg	viên	38.100	11.910.200
	.....			
	<b>Tổng</b>			<b>88.500.000</b>

(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty Cổ phần HP phamar)

**b. Hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn công ty**

Để phù hợp đặc điểm sản xuất kinh doanh với quy trình công nghệ giản đơn, chu kỳ sản xuất ngắn nên công ty áp dụng phương pháp tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

**Công thức:**

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế của} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

**Ví dụ:** Tính giá thành sản phẩm Magnesi B6 sản xuất trong tháng 01/2012.

- Đầu kỳ dở dang: 1.739.000 đ (đã được đánh giá theo CPNVLTT)
- Cuối kỳ dở dang: 1.488.375 đ (đã được đánh giá theo CPNVLTT)
- Phân bổ chi phí tính giá thành sản phẩm Magnesi B6 theo chi phí NVLTT

Trong đó: Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 812.053.911 đ

Chi phí NVLTT sản xuất Magnesi B6: 103.701.145 đ

**Phân bổ chi phí sản xuất chung cho Magnesi B6 theo chi phí NVLTT**

Tổng chi phí sản xuất chung: 95.739.886 đ

$$\begin{aligned} \text{Chi phí SXC} \\ \text{(Magnesi B6)} &= \frac{\text{Chi phí NVLTT sản xuất Manesi B6}}{\text{Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp}} \times \text{Tổng CPSXC} \\ &= \frac{103.701.145}{812.053.911} \times 95.739.886 = 12.226.203 \text{ đ} \end{aligned}$$

**Biểu 2.21: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung**

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG XƯỞNG VIÊN**

**Tháng 01/2012**

Đơn vị tính : đồng

<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Chi phí NVL TT từng sản phẩm</b>	<b>Hệ số phân bổ</b>	<b>Chi phí SXC</b>
....	....	....	....
<b>Magnesi B6</b>	<b>103.701.145</b>	<b>0,1277</b>	<b>12.226.203</b>
Paracetamol 500 mg	50.850.573	0,0626	5.995.238
Anagin 500mg	47.763.158	0,0588	5.631.202
....	.....	....	.....
<b>Cộng</b>	<b>812.053.911</b>		<b>95.739.886</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

**Người lập số**

*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(ký, họ tên)*

*(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty Cổ phần HP Phamar)*

Khóa luận tốt nghiệp

Từ số chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (biểu 2.3), số chi phí nhân công trực tiếp (biểu 2.12), bảng phân bổ chi phí sản xuất chung (biểu 2.20), kế toán vào bảng tính giá thành sản phẩm, dịch vụ theo khoản mục (biểu 2.21)

**Biểu 2.22: Bảng tính giá thành sản phẩm, dịch vụ theo khoản mục**

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THEO KHOẢN MỤC**

**Tên sản phẩm, dịch vụ: Magnesi B6**

**Mã sản phẩm: Magnesi B6**

**Sản lượng: 1.019.700 viên**

**Tháng 01 năm 2012**

<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Chi phí SXDD đầu kỳ</b>	<b>Chi phí SX phát sinh trong kỳ</b>	<b>Chi phí SXDD cuối kỳ</b>	<b>Tổng giá thành</b>	<b>Giá thành đơn vị</b>
Chi phí NVL trực tiếp	1.739.000	103.701.145	1.488.375	103.951.770	101,9
Chi phí NCTT	-	10.052.552	-	10.052.552	9,86
Chi phí sản xuất chung	-	12.226.203	-	12.226.203	12,02
<b>Cộng</b>	<b>1.739.000</b>	<b>125.979.900</b>	<b>1.488.375</b>	<b>126.230.525</b>	<b>123.78</b>

(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty Cổ phần HP Phamar)



**Biểu 2.23: Phiếu nhập kho 134/01**

**Đơn vị:** Cổ phần HP Phamar

**Mẫu số 01 – VT**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số: 134/01

Nợ 155

Có 154

Họ tên người giao: Bùi Minh Hải

Địa chỉ: Xưởng Thuốc viên

Nhập tại kho: Minh

STT	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Magnesi B6	viên	1.019.700	1.019.700	123.78	126.230.525
	<b>Cộng</b>		<b>1.019.700</b>	<b>1.019.700</b>	<b>123.78</b>	<b>126.230.525</b>

Bằng chữ: Một trăm hai mươi tư triệu tám trăm ba mươi hai nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng./

*Ngày nhập 31 tháng 01 năm 2012*

**Người lập  
phiếu**

*(ký, họ tên)*

**Người nhận  
hàng**

*(ký, họ tên)*

**Thủ kho**

*(ký, họ tên)*

**Kế toán  
trưởng**

*(ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(ký, họ tên)*

**Biểu số 2.23: Nhật ký chung**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

**Mẫu số S03a – DN**

(Ban hành theo quyết số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
.....	.....	...	.....		.....		
31/01	BL 01	31/01	Tính lương phải trả nhân viên QLPX		627 334	23.017.000	23.017.000
31/01	BL 01	31/01	Các khoản trích cho nhân viên QLPX		627 338	4.742.640	4.742.640
31/01	BKH 01	31/01	Trích khấu hao bộ phận sản xuất		627 214	4.186.718	4.186.718
...		.....	.....		.....	.....	.....
<b>31/01</b>	<b>PNK 134/01</b>	<b>31/01</b>	<b>Nhập kho Magnesi B6</b>		<b>155 154</b>	<b>126.230.525</b>	<b>126.230.525</b>
31/01	PNK 135/01	31/01	Nhập kho Analgin 500mg		155 154	77.245.123	77.245.123
			.....			.....	.....
			Cộng chuyển trang			1.205.379.500	1.205.379.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

(Trích nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Pharma)

**Biểu 2.24: Sổ cái TK 155**

Đơn vị: cổ phần HP Pharmar

**Mẫu số S03b – DN**

(Ban hành theo quyết số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

( Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 01 năm 2012

Tên tài khoản: Thành phẩm

Số hiệu: 155

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		<b>897.258.109</b>	
			Phát sinh tháng 01			
.....	.....	.....	.....		.....	.....
31/01	PXK 72/01	15/01	Xuất bán VitaminC 500mg	632		7.598.615
31/01	PXK 84/01	16/01	Xuất bán Vitamin 3B	632		9.023.145
.....	.....	.....	.....		.....	.....
<b>31/01</b>	<b>PNK 134/01</b>	<b>31/01</b>	<b>Nhập kho Magnesi B6</b>	<b>154</b>	<b>126.230.525</b>	
31/01	PNK 135/01	31/01	Nhập kho Analgin 500mg	154	77.245.123	
.....	.....		.....		.....	.....
			Cộng phát sinh		737.562.146	943.106.731
			Dư cuối tháng		691.713.24	

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty Cổ phần HP Pharmar

### CHƯƠNG III

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ VẬT TƯ Y TẾ HẢI PHÒNG

### 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.

#### 3.1.1. Ưu điểm.

*Thứ nhất:* Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nhất là trong cơ chế thị trường, công ty đã tăng cường công tác quản lý kinh tế, quản lý sản xuất mà trước tiên là quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của công ty. Đội ngũ kế toán của công ty đã đáp ứng được căn bản yêu cầu về công tác hạch toán kinh doanh nói chung và hạch toán chi phí sản xuất nói riêng. Việc phân công trách nhiệm giữa nhân viên kinh tế tại phân xưởng với kế toán tổng hợp thể hiện sự chuyên môn hóa cao trong công việc. Nhân viên kinh tế tại phân xưởng có nhiệm vụ tập hợp các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh tại phân xưởng, đảm bảo tính chính xác. Trên cơ sở đó, kế toán giá thành tổng hợp của phòng kế toán vận dụng lý luận vào thực tế để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, góp phần hạ giá thành sản phẩm cho công ty.

*Thứ hai:* Hiện nay, công ty đã sử dụng và áp dụng hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán tương đối đầy đủ theo chế độ kế toán của Nhà nước, nhất là các hóa đơn, chứng từ thuế GTGT được áp dụng ngay từ đầu năm. Ngoài ra, việc luân chuyển sổ sách ở phòng kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất nói riêng, đảm bảo sự phù hợp với quy mô sản xuất của công ty.

*Thứ ba:* Việc áp dụng hình thức trả lương theo thời gian và theo sản phẩm hoàn thành đạt chất lượng quy định, đã đảm bảo việc gắn thu nhập của người lao động với thời gian làm việc và kết quả sản xuất cuối cùng của họ,

góp phần khuyến khích tinh thần lao động và ý thức tiết kiệm trong sản xuất của công nhân. Ngoài ra, việc thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên ở công ty được chia làm 2 đợt cũng là ưu điểm giúp người lao động giảm bớt khó khăn và yên tâm làm việc.

*Thứ tư:* Một trong những ưu điểm lớn nhất trong công tác tính giá thành sản phẩm mà công ty đang thực hiện là áp dụng kỳ tính giá theo tháng. Vì sản xuất có tính liên tục nên việc tính giá thành sản phẩm hàng tháng sẽ rất thuận lợi, phù hợp với kỳ tập hợp chi phí sản xuất, giúp cho kế toán doanh nghiệp phát huy được chức năng giám đốc tình hình thực hiện kế hoạch giá thành một cách kịp thời.

*Thứ năm:* Công ty áp dụng phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp thực tế đích danh. Theo phương pháp này thì chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa giá trị hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thực tế của nó.

### **3.1.2. Hạn chế.**

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật trên, những tồn tại của công ty có thể thấy trong việc hạch toán là:

*Thứ nhất:* Qua phần thực trạng hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty, ta thấy công ty đã không hạch toán riêng khoản mục chi phí thiệt hại sản phẩm hỏng trong sản xuất, nhưng tất cả các khoản chi phí này đều tính vào giá thành sản phẩm trong kỳ. Việc hạch toán như vậy sẽ không phản ánh chính xác giá thành sản phẩm. Mặt khác, việc hạch toán này sẽ khó xác định được trách nhiệm bồi thường vật chất nhằm nâng cao ý thức người lao động trong sản xuất, hạn chế hao hụt.

Để chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao, phát triển thương hiệu công ty hơn nữa thì phải giảm thiểu chi phí thiệt hại sản phẩm hỏng. Nếu có phát sinh cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, hạch toán đầy đủ các khoản chi phí thiệt hại và yêu cầu bồi thường cho khoản thiệt hại đó nhằm giảm bớt chi phí về sản phẩm hỏng.

*Thứ hai:* Hiện nay công tác kế toán vẫn là thủ công, trong khi khối lượng công việc kế toán phát sinh hàng ngày lại nhiều nên bộ phận kế toán khá vất vả, số lượng kế toán nhiều dẫn tới chi phí quản lý tốn kém. Trong thời gian tới, công ty nên đầu tư cho việc sử dụng phần mềm kế toán giúp kế toán thực hiện được nhanh chóng và thông tin được hệ thống hóa dễ dàng cập nhật hơn.

*Thứ ba:* Việc trả lương theo số lượng sản phẩm cho công nhân trực tiếp sản xuất tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng chưa khuyến khích được nhân viên tăng năng suất lao động và cường độ lao động lên mức tối đa.

*Thứ tư:* Công ty sử dụng khối lượng máy móc, thiết bị có giá trị lớn trong quá trình sản xuất máy móc thiết bị cần được bảo dưỡng, sửa chữa khi hỏng để tăng năng suất nhưng công ty lại không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ gây nên những biến động về chi phí trong quá trình sản xuất.

*Thứ năm:* Nguyên vật liệu tại công ty được thu mua từ nhiều nguồn và gồm nhiều chủng loại, giá cả khác nhau. Hiện nay công ty thực hiện phương pháp tính giá thực tế đích danh đối với nguyên vật liệu xuất kho vì thế khối lượng công việc kế toán phải tiến hành nhiều, tốn kém nhiều chi phí.

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một công việc cần thiết và quan trọng đối với tất cả doanh nghiệp. Nó giúp cho bộ máy quản lý và các thành viên trong doanh nghiệp nắm được tình hình thực hiện kế hoạch chi phí giá thành, cung cấp những tài liệu xác thực để chỉ đạo sản xuất kinh doanh, phân tích đánh giá tình hình sản xuất. Thông qua đó, khai thác và huy động mọi khả năng tiềm tàng nhằm mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm.

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất còn là cơ sở tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm. chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm rất nhạy

cảm đối với những nhà quản lý và những người quan tâm khác bởi lẽ nhìn vào đó người ta có thể biết được lợi nhuận năm nay, tháng này, quý này là bao nhiêu trên một đơn vị sản phẩm. Mặt khác, chỉ tiêu tổng giá thành còn thể hiện giá vốn mà doanh nghiệp phải bỏ ra khi tiêu thụ sản phẩm, từ đó xác định lợi nhuận gộp thu được khi tiêu thụ sản phẩm đó.

Với những ý nghĩa như vậy, hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn là vấn đề được các doanh nghiệp quan tâm nghiên cứu trong quá trình nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

#### **3.3.1. Yêu cầu.**

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất có nghĩa doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phải chi ra để thu hồi được những khoản lợi nhuận trong tương lai. Nếu khoản hao phí này được hạch toán chính xác thì mới làm cơ sở cho việc tính đúng khoản lợi mà doanh nghiệp thu được. Để làm được điều này, trong kế toán tuân thủ nguyên tắc: “ Chi ghi nhận các khoản thu nhập chắc chắn xảy ra nhưng được phép ghi nhận tất cả các khoản chi phí có thể phát sinh”.

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất đồng nghĩa với việc tuân thủ các quy định của Nhà nước liên quan đến hạch toán chi phí sản xuất như phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho, phương pháp khấu hao TSCĐ, hệ thống sổ sách kế toán,....

#### **3.3.2. Phương hướng.**

*Thứ nhất:* Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán nói chung. Mỗi doanh nghiệp đều có đặc điểm riêng nhất định, do đó cần vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt dựa trên cơ sở chức năng hoạt động, quy mô của mình để thực hiện công tác quản lý có hiệu quả.

*Thứ hai:* Đảm bảo sự tuân thủ thống nhất chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

*Thứ ba:* Đảm bảo sự tiết kiệm trong việc tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp. Phải tổ chức công tác kế toán một cách khoa học, phân công công việc một cách rõ ràng, hợp lý với mỗi nhân viên, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đạt hiệu quả chất lượng cao nhất với mức chi phí thấp nhất.

*Thứ tư:* Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn.

### **3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp. Tính đúng, tính đủ chi phí là một yêu cầu quan trọng. Việc tính đúng, tính đủ chi phí còn giúp cho việc cung cấp kịp thời, chính xác thông tin phục vụ cho các nhà quản lý. Do đó, công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng cần được hoàn thiện để làm cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của công ty.

Ngoài những ưu điểm mà công ty đã thực hiện tốt vẫn còn những hạn chế cần được khắc phục. Trên cơ sở kiến thức đã được học tại trường, em xin đề xuất một số kiến nghị sau:

#### **3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất**

Thiệt hại trong sản xuất là điều khó tránh khỏi trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những thiệt hại này có thể do nguyên nhân khách quan hay chủ quan, gây ra những tổn thất bất ngờ làm cho chi phí sản xuất kinh doanh tăng lên, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Các thiệt hại này cần phải được hạch toán riêng để đảm bảo giá thành sản



phẩm của công ty là chính xác, nhất là với những công ty sản xuất theo đơn đặt hàng nên nếu giá thành tăng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất kinh doanh do hợp đồng đã ký kết thì khó có thể thay đổi được.

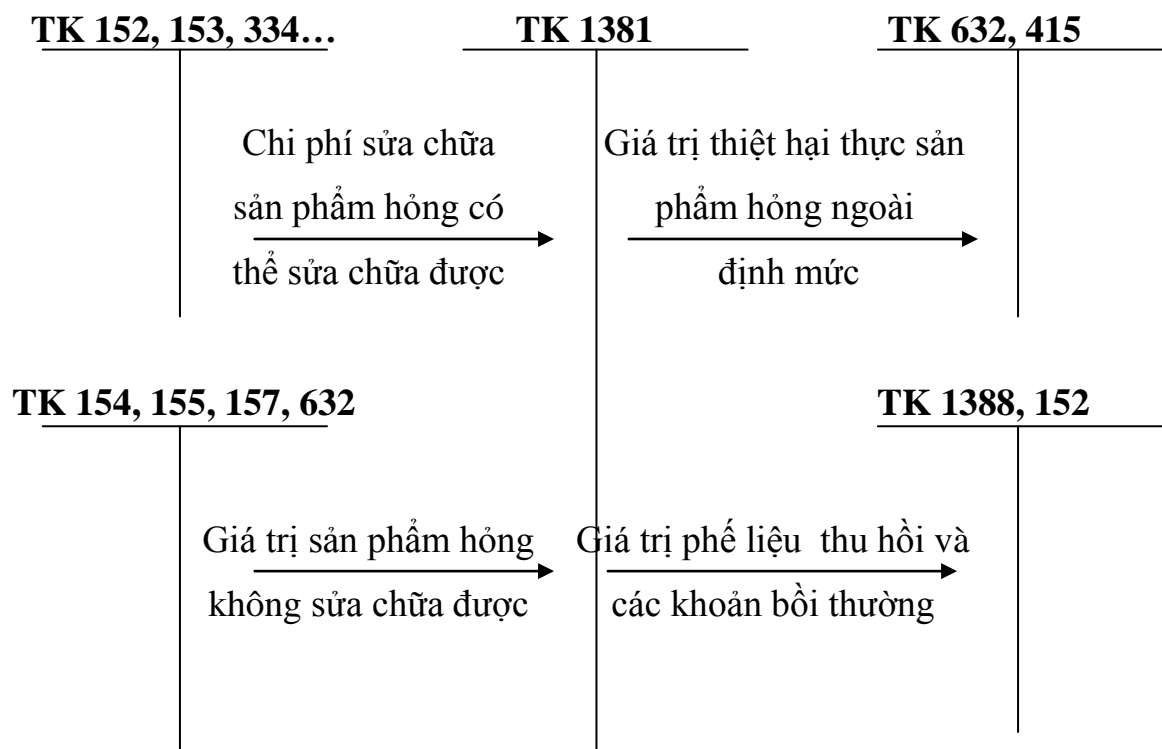
Do có nhiều loại thiệt hại trong sản xuất với các nguyên nhân khác nhau nên cũng phải có các biện pháp khắc phục thích hợp.

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không thỏa mãn các tiêu chuẩn về chất lượng, đặc điểm kỹ thuật sản xuất (màu sắc, kích cỡ...). Sản phẩm có thể sửa chữa được hoặc không thể sửa chữa được và đều gây ra một khoản thiệt hại làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh.

Theo em, công ty nên hạch toán khoản thiệt hại này bằng việc tìm ra đúng nguyên nhân sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý đúng đắn. Nếu hỏng do lỗi của người lao động thì yêu cầu bồi thường để nâng cao ý thức trách nhiệm trong quá trình sản xuất. Nếu hỏng do lỗi kỹ thuật thì cần có biện pháp xử lý để hạn chế thấp nhất thiệt hại.

### Sơ đồ 3.1

#### Sơ đồ hạch toán sản phẩm hỏng ngoài định mức



### **3.4.2. Kiến nghị 2: Ứng dụng công nghệ thông tin**

Hàng ngày, các nghiệp vụ kế toán phát sinh khá nhiều, nếu công tác kế toán tiến hành theo phương pháp thủ công kế toán sẽ rất vất vả, việc sắp xếp tìm kiếm thông tin cũng gặp nhiều khó khăn. Vì thế, hệ thống hóa công tác kế toán bằng các phần mềm ứng dụng tin học sẽ giảm bớt khối lượng công việc, hạch toán kế toán được tiến hành nhanh chóng hơn, góp phần nâng cao năng suất lao động và thuận lợi đối với ban lãnh đạo trong công tác quản lý.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT - BTC của Bộ Tài Chính ngày 24/11/2005 về việc “ Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc có thể đi mua phần mềm của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán EFFECT của công ty EFFECT
- Phần mềm kế toán MISA của công ty Cổ phần MISA
- Phần mềm kế toán FAST của công ty Cổ phần phần mềm FAST
- Phần mềm kế toán BRAVO của công ty cổ phần phần mềm kế toán BRAVO
- Phần mềm kế toán CNS Accouting của công ty CNS
- Phần mềm kế toán ASOFT của công ty giải pháp phần mềm ASOFT
- Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN
- Phần mềm kế toán SASINNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam

Việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu năng làm việc của doanh nghiệp, giảm thiểu chi phí và tăng tốc độ phát triển, phần mềm kế toán còn tối ưu hóa quy trình kinh doanh tạo điều kiện cho việc hội nhập, quản lý các giao dịch khác nhau được thực hiện dễ dàng.... Qua đó, ban lãnh đạo nắm bắt được những điểm mấu chốt tổng quát về thực trạng của công ty, kiểm soát các vấn đề khác nhau một cách linh hoạt

### **3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc trả lương theo sản phẩm lũy tiến.**

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất tính lương theo sản phẩm và thời gian lao động, nhưng điều này chưa thực sự khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động và cường độ lao động đến mức tối đa.

Do đó theo em công ty nên chuyển sang hình thức trả lương theo sản phẩm lũy tiến. Theo hình thức này tiền lương bao gồm hai phần:

- Phần thứ nhất: căn cứ vào mức độ hoàn thành định mức lao động, tính ra phải trả cho người lao động trong định mức.
- Phần thứ hai: căn cứ vào mức độ vượt định mức để tính tiền lương phải trả theo tỷ lệ lũy tiến. Tỷ lệ hoàn thành vượt mức càng cao thì tỷ lệ lũy tiến càng nhiều.

#### **3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc trích trước sửa chữa lớn TSCĐ.**

Ở công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng có các khoản sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh thường xuyên nhưng công ty không thực hiện việc trích trước sửa chữa lớn TSCĐ. Do vậy để đảm bảo độ ổn định của chi phí sản xuất công ty nên thực hiện việc trích trước khoản chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thường xuyên.

#### **3.4.5. Kiến nghị 5: Về phương pháp tính giá hàng xuất kho**

Nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng được thu mua, nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau và gồm nhiều chủng loại. Giá thực tế của mỗi lần nhập kho nguyên vật liệu là không hoàn toàn giống nhau. Các nghiệp vụ nhập, xuất kho nguyên vật liệu luôn diễn ra thường xuyên. Hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp tính giá thực tế đích danh đối với nguyên vật liệu xuất kho, vì thế theo em công ty nên chuyển sang áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập thay cho phương pháp thực tế đích danh. Điều này giúp cho khối lượng công việc kế toán ít hơn, bớt tốn kém về chi phí và vẫn đảm bảo hiệu quả cho công tác kế toán.

Công thức như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân mỗi lần xuất} = \frac{\text{Tổng số tiền hàng tồn kho} + \text{số tiền mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn kho} + \text{số lượng mỗi lần nhập}}$$

### **3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng.**

#### **3.5.1. Về phía nhà nước.**

Hội nhập nền kinh tế toàn cầu tạo điều kiện phát triển cho các thành phần kinh tế trong nước, nhưng cũng làm tăng áp lực cạnh tranh mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước trên thị trường. Vấn đề cấp bách đặt ra cho Nhà nước là làm thế nào để thực hiện các cam kết hội nhập đồng thời khai thác các điểm mạnh trong nước và thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước phát triển dựa trên các nguồn lực hiện có.

Hướng tới mục tiêu chung, Nhà nước luôn tạo điều kiện thuận lợi cũng như tạo môi trường kinh doanh công bằng, lành mạnh cho doanh nghiệp và cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. Đối mặt với những biến động của nền kinh tế thế giới, Nhà nước ban hành những chính sách kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế trong nước kèm theo những ưu đãi cho các doanh nghiệp, cá nhân điển hình có đóng góp to lớn cho sự phát triển của đất nước. Qua đó, khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước luôn đổi mới và hoàn thiện hơn để tạo lợi thế cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế trong nước.

#### **3.5.2. Về phía doanh nghiệp.**

Với kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến dược liệu, công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của thành phố Hải Phòng nói riêng và của đất nước nói chung. Trong suốt thời gian hoạt động kinh doanh đến nay, công ty đã luôn chú trọng công tác quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ công nhân viên, quan tâm cải thiện đời sống người lao động và không ngừng đổi mới, đầu tư mua sắm các máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại, mở rộng diện tích sản xuất nhằm phục vụ cho quá trình sản xuất cũng như phát triển lâu dài của doanh nghiệp.

Để đạt được quy mô sản xuất kinh doanh như ngày nay, ban lãnh đạo công ty và toàn thể cán bộ, công nhân viên đã không ngừng cố gắng phấn đấu

## Khóa luận tốt nghiệp

trau dồi năng lực bản thân và tích lũy kinh nghiệm tìm hướng đi chung hòa nhập với sự phát triển của nền kinh tế đất nước. Chú trọng việc nghiên cứu và vận dụng các công cụ quản lý kinh tế vào thực trạng sản xuất, tổ chức nghiên cứu thị trường... cùng đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, làm việc hiệu quả và gắn bó lâu dài với công ty là những điều kiện thuận lợi để thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nói chung và bộ phận kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nói riêng.

## KẾT LUẬN

Trong quá trình học tập và thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng, cùng với sự giúp đỡ tận tình của thầy giáo hướng dẫn, em đã nhận thức được ý nghĩa của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một khâu quan trọng không thể thiếu được của bất kỳ một quá trình hạch toán kế toán nào. Do vậy, em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài: “*Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng*”.

Trong một chừng mực nhất định, phù hợp với khả năng và trình độ bản thân, đề tài đã giải quyết được những yêu cầu và nội dung cơ bản sau:

Về mặt lý luận: Khóa luận đã trình bày một cách khái quát, có hệ thống các vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Về mặt thực tiễn: Trên cơ sở tìm hiểu thực tế công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng, khóa luận đã đưa ra được những kiến nghị cũng như các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán tại đơn vị.

Vì kiến thức còn hạn chế, kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy, cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của thầy giáo Th.S Nguyễn Đức Kiên và các cán bộ phòng kế toán công ty Cổ phần dược liệu và vật tư y tế Hải Phòng đã hướng dẫn và tạo điều kiện cho em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

Sinh viên

**Lê Thị Thu Hương**

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp (xuất bản năm 2008)**  
Chủ biên: PGS. TS. Đặng Thị Loan – NXB Đại học kinh tế quốc dân.
- 2. Kế toán tài chính – phần 1 (xuất bản năm 2010)**  
Chủ biên: TS. Phan Đức Dũng – NXB thống kê
- 3. Chế độ kế toán doanh nghiệp 2012 phần 1**  
Chủ biên: Bộ tài chính – NXB Lao động
- 4. Chế độ kế toán doanh nghiệp 2012 phần 2**  
Chủ biên: Bộ tài chính – NXB Lao động
- 5. Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp (xuất bản năm 2009)**  
Chủ biên: PGS. TS Võ Văn Nhị - NXB Hà Nội
- 6. Khóa luận tốt nghiệp của các anh chị khóa trước**